

Số: 432/BVT-CĐT&HTQT

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 5 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Quảng Ninh

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 1345/SYT-GPHĐ, do
Sở Y tế Quảng Ninh, cấp ngày 07/12/2016.

Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh
Quảng Ninh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ Đặng Thị Thúy Phó giám đốc
bệnh viện

Điện thoại liên hệ: 02.033.825496

Email chidaotuyenquangninh@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của
Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức
khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với
các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành (Phụ lục I);
2. Trình độ đào tạo thực hành (Phụ lục I);
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ):
(Phụ lục I)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Phụ lục II);
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc
ghế răng tại mỗi khoa phòng (Phụ lục II);
6. Danh mục cơ sở vật chất; trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ
lục III).

(Đính kèm các phụ lục).

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh xin cam kết và chịu trách nhiệm trước
pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để bc);
- Lưu: VT, CĐT&HTQT.



Trịnh Văn Mạnh



**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)**

(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CĐT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	97201	Tiền sĩ										
	97206	Kỹ thuật Y học										
1	9720601	Tiền sĩ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét nghiệm Huyết học, Vi sinh	Thực hành lấy mẫu, nuôi cấy, phân tách, đọc kết quả, xét nghiệm.	Khoa Vi sinh - Khoa Huyết học truyền máu	1	5		5	0	5
2	9720102	Tiền sĩ	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức/quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức	Thực hành Gây mê hồi sức/quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức	Gây Mê hồi sức	1	5	20	5	0	5
3	9720501	Tiền sĩ	Răng Hàm Mặt	Khám chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Thực hành Khám chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt	1	5	36	5	0	5
4	9720104	Tiền sĩ	Ngoại khoa	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Thực hành Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khoa Ngoại	1	5	80	5	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
5	9720602	Tiến sĩ	Hình ảnh y học	Khám bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Thực hành khám bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.	CDHA	1	5		5	0	5
	87201	Thạc sĩ					1	5				
6	8720102	Thạc sĩ	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức/quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức	Thực hành gây mê hồi sức ngoại khoa, các kỹ thuật gây mê hồi sức.	Gây Mê hồi sức	1	5	20	5	0	5
7	8720103	Thạc sĩ	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Hồi sức cấp cứu/ Quy trình khám chữa bệnh hồi sức cấp cứu	Thực hành hồi sức cấp cứu, quy trình khám chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	2	10	58	10	0	10
8	8720104	Thạc sĩ	Ngoại khoa	khám chữa bệnh ngoại khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh ngoại khoa	Ung bướu	1	5	95	5	0	5
						Ngoại	3	15	80	15	0	15
						Chấn thương	2	10	103	10	0	10
9	8720105	Thạc sĩ	Sản phụ khoa	khám chữa bệnh sản phụ khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh sản phụ khoa	Phụ sản	2	10	85	10	0	10
10	8720106	Thạc sĩ	Nhi khoa	khám chữa bệnh nhi khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa nhi	2	10	111	10	0	10
11	8720107	Thạc sĩ	Nội khoa	Khám bệnh chữa bệnh nội khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh nội khoa	Nội Tổng hợp	1	5	86	5	0	5
						Nội Hô hấp	1	5	81	5	0	5
						Nội Tim mạch	2	10	91	10	0	10
						Nội B	2	10	20	10	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
12	8720109	Thạc sĩ	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Khám bệnh chữa bệnh truyền nhiễm	Thực hành Khám bệnh chữa bệnh truyền nhiễm	Truyền nhiễm	2	10	85	10	0	10
13	8720111	Thạc sĩ	Điện quang và y học hạt nhân	Khám bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Thực hành đọc kết quả phim, siêu âm, x quang, cộng hưởng từ, CLVT.	Chẩn đoán hình ảnh	3	15		10	0	15
14	8720113	Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	Thực hành khám bệnh chữa bệnh Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	1	5	65	5	0	5
15	8720155	Thạc sĩ	Tai - Mũi - Họng	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng	Thực hành khám bệnh chữa bệnh, khoa tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	1	5	44	5	0	5
16	8720157	Thạc sĩ	Mắt (Nhãn khoa)	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa mắt	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa mắt	Mắt	2	10	33	5	0	10
	87205	Răng - Hàm - Mặt										
17	8720501	Thạc sĩ	Răng - Hàm - Mặt	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Răng - Hàm - Mặt	2	10	36	10	0	10
	87206	Kỹ thuật Y học										
18	8720601	Thạc sĩ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét nghiệm Huyết học, Sinh hóa, Vi sinh	Thực hành lấy mẫu làm xét nghiệm, nuôi cấy đọc kết quả bệnh phẩm.	Huyết Học	1	5		5	0	5
						Hóa Sinh	1	5		5	0	5
						Vi Sinh	1	5		5	0	5

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
19	8720603	Thạc sĩ	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng	1	5		5	0	5
	77201	Đại học										
20	7720101	Y học										
		Đại học	Ngoại khoa	khám chữa bệnh ngoại khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh ngoại khoa	Ung bướu	1	5	95	5	0	5
						Ngoại	3	15	80	15	0	15
						Chấn thương	2	10	103	10	0	10
		Đại học	Nội khoa	Khám bệnh chữa bệnh nội khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh nội khoa	Nội Tổng hợp	1	5	86	5	0	5
						Nội Hô hấp	1	5	81	5	0	5
						Nội Tim mạch	2	10	91	10	0	10
						Nội B	2	10	20	10	0	10
		Đại học	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức/quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức	Thực hành Gây mê hồi sức/quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức	Gây Mê hồi sức	1	5	20	5	0	5
		Đại học	Tai - Mũi - Họng	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa tai mũi họng	Thực hành khám bệnh chữa bệnh, khoa tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	1	5	44	5	0	5
		Đại học	Mắt (Nhãn khoa)	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa mắt	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa mắt	Mắt	2	10	33	5	0	10
		Đại học	Nhi khoa	khám chữa bệnh nhi khoa	Thực hành khám bệnh chữa bệnh nhi khoa	Khoa nhi	2	10	111	10	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
21	77205	Đại học	Răng - Hàm - Mặt	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Răng - Hàm - Mặt	2	10	36	10	0	10
22	7720115	Đại học	Y học cổ truyền	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	Thực hành khám bệnh chữa bệnh Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	1	5	65	5	0	5
	77202	Dược học										
23	7720206	Đại học	Dược liệu - Dược học cổ truyền	+ Thực hành tại khoa dược Bệnh viện + Thực hành tại quầy thuốc Bệnh viện	* Khoa dược - Chức năng, nhiệm vụ tổ chức nhà thuốc bệnh viện. - Cách sắp xếp, bảo quản kho thuốc và dụng cụ y tế, chế độ cấp phát thuốc tại khoa dược - Lập dự trù và cung ứng thuốc tại khoa dược - Danh mục thuốc thiết yếu tại khoa dược. * Nhà thuốc BV - Chức năng nhiệm vụ, hoạt động của nhà thuốc, quầy thuốc. - Cách sắp xếp, bảo quản thuốc và dụng cụ y tế tại nhà thuốc. - Hệ thống kinh doanh của nhà thuốc, quầy thuốc. - Danh mục các loại thuốc và dụng cụ y tế hiện có tại quầy thuốc, nhà thuốc.	Dược	2	20		20	0	20
24	7720203	Đại học	Hóa sinh dược			Dược	2	20		20	0	20
25	7720412	Đại học	Tổ chức quản lý dược			Dược	2	20		20	0	20
26	7720203	Đại học	Hóa dược			Dược	2	20		20	0	20
27	7720201	Đại học	Dược học			Dược	2	20		20	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	77203	Điều dưỡng, hộ sinh										20
28	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành điều dưỡng	Quy trình kỹ thuật tiêm truyền thay băng, rửa vết thương, đặt sode tiểu, chăm sóc bệnh nhân.	Các khoa lâm sàng trong bệnh viện	14	140	1218	140	2	138
29	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành hộ sinh	Quy trình tắm bé, chăm sóc sản phụ trước sinh, sau sinh, sau mổ.	Phụ sản	1	10	85	10	0	10
	77204	Dinh dưỡng										
30	7720401		Dinh dưỡng	Thực hành dinh dưỡng lâm sàng	Thực hành dinh dưỡng lâm sàng, chế độ ăn cho bệnh nhân.	Khoa dinh dưỡng	1	10		10	0	10
	77205	Răng - Hàm - Mặt (Nha khoa)										
31	7720501	Đại học	Răng - Hàm - Mặt	Thực hành khám chữa bệnh răng hàm mặt cơ bản, chăm sóc bệnh nhân.	Thực hành khám, chữa bệnh răng hàm mặt, chăm sóc bệnh nhân.	Răng - Hàm - Mặt	2	20	36	20	1	19
32	7720502	Đại học	Kỹ thuật phục hình răng	Thực hành khám chữa bệnh răng hàm mặt cơ bản	Thực hành kỹ thuật phục hình răng.	Răng - Hàm - Mặt	2	20	36	20	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	77206	Kỹ thuật y học										
33	7720601	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên xét nghiệm	Thực hành nuôi cấy, lấy mẫu bệnh phẩm, thao tác sử dụng máy xét nghiệm	Huyết học - Hóa sinh - Vĩ sinh	4	40			1	39
34	7720602	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Thực hành sử dụng máy Xquang, CLVT, cộng hưởng từ, siêu âm, kỹ thuật chụp.	Chẩn đoán hình ảnh	3	30			2	28
35	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Thực hành kỹ thuật xoa bóp, các bài tập cho bệnh nhân.	Phục hồi chức năng	2	20		10	0	28
	67203	Cao đẳng										
		Điều dưỡng - Hộ sinh										
36	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	Thực hành quy trình tiêm, truyền dịch, thay băng, rửa vết thương, chăm sóc bệnh nhân.	Các khoa lâm sàng trong bệnh viện	14	210	1218	210	5	215
37	6720302	Cao đẳng	Điều dưỡng y học cổ truyền	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	Thực hành quy trình tiêm, truyền dịch, thay băng, rửa vết thương, chăm sóc bệnh nhân.	Y học cổ truyền	2	30	65	30	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
38	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Quy trình kỹ thuật hộ sinh cơ bản	Thực hành tắm bé, quy trình kỹ thuật chăm sóc mẹ và bé sau sinh.	Phụ sản	2	30	85	30	0	20
	67202	Cao đẳng		Dược học								
39	6720201		Dược	+ Thực hành tại khoa dược Bệnh viện + Thực hành tại quầy thuốc Bệnh viện	* Khoa dược - Chức năng, nhiệm vụ tổ chức nhà thuốc bệnh viện. - Cách sắp xếp, bảo quản kho thuốc và dụng cụ y tế , chế độ cấp phát thuốc tại khoa dược - Lập dự trù và cung ứng thuốc tại khoa dược - Danh mục thuốc thiết yếu tại khoa dược. * Nhà thuốc BV - Chức năng nhiệm vụ, hoạt động của nhà thuốc, quầy thuốc . - Cách sắp xếp, bảo quản thuốc và dụng cụ y tế tại nhà thuốc. - Hệ thống kinh doanh của nhà thuốc, quầy thuốc. - Danh mục các loại thuốc và dụng cụ y tế hiện có tại quầy thuốc, nhà thuốc.	2	20	20	0	20		
40	6720202		Kỹ thuật dược			2	20	20	0	20		
41	6720203		Kỹ thuật kiểm nghiệm thuốc			2	20	20	0	20		

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	67204	Dinh dưỡng										
42	6720401		Dinh dưỡng	Dinh dưỡng lâm sàng cơ bản	Thực hành thực tế dinh dưỡng lâm sàng tại các khoa, tư vấn chế độ ăn hợp lý cho bệnh nhân.	Dinh dưỡng	1	15			1	14
	67206	Kỹ thuật y học										
43	6720601	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Thực hành sử dụng máy Xquang, CLVT, cộng hưởng từ, siêu âm, kỹ thuật chụp.	Chẩn đoán hình ảnh	3	45			2	43
44	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên xét nghiệm	Thực hành nuôi cấy, lấy mẫu bệnh phẩm, thao tác sử dụng máy xét nghiệm	Hóa sinh - huyết học - Vi sinh	6	90			2	88
45	6720603	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Thực hành kỹ thuật xoa bóp, các bài tập cho bệnh nhân.	Phục hồi chức năng	2	30		60	0	30
46	6720604	Cao đẳng	Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Thực hành kỹ thuật xoa bóp, các bài tập cho bệnh nhân.	Phục hồi chức năng	2	30		60	0	60
47	6720605	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hình răng	Quy trình phục hình răng cơ bản	Thực hành phục hình răng	Răng Hàm Mặt	2	30		10	1	29

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
49	57203	Trung cấp Điều dưỡng - Hộ sinh										
49	5720301	Trung cấp	Điều dưỡng	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	Thực hành quy trình tiêm, truyền dịch, thay băng, rửa vết thương, chăm sóc bệnh nhân.	Các khoa lâm sàng trong bệnh viện	14	210	1218	70	4	216
50	5720302	Trung cấp	Điều dưỡng y học cổ truyền	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	Thực hành quy trình tiêm, truyền dịch, thay băng, rửa vết thương, chăm sóc bệnh nhân.	Y học cổ truyền	2	30	55	55	0	30
51	5720303	Trung cấp	Hộ sinh	Thực hành quy trình kỹ thuật của hộ sinh	Quy trình tắm bé, chăm sóc sản phụ trước sinh, sau sinh, sau mổ.	Phụ sản	2	30	85	10	0	30
52	57206	Kỹ thuật y học										
53	5720601	Trung cấp	Kỹ thuật hình ảnh y học	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Thực hành sử dụng máy Xquang, CLVT, cộng hưởng từ, siêu âm, kỹ thuật chụp.	Chẩn đoán hình ảnh	3	45			4	41
54	5720602	Trung cấp	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên xét nghiệm	Thực hành nuôi cấy, lấy mẫu bệnh phẩm, thao tác sử dụng máy xét nghiệm	Huyết học - hóa sinh - Vi sinh	6	90			3	97
55	5720603	Trung cấp	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Thực hành kỹ thuật xoa bóp, các bài tập cho bệnh nhân.	Phục hồi chức năng	2	30	60	60	0	30
56	5720604	Trung cấp	Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Quy trình kỹ thuật kỹ thuật viên phục hồi chức năng	Thực hành kỹ thuật xoa bóp, các bài tập cho bệnh nhân.	Phục hồi chức năng	2	30	60	60	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
57	57202	Trung cấp	Dược học	+ Thực hành tại khoa dược Bệnh viện + Thực hành tại quầy thuốc Bệnh viện								
58	5720201		Dược		* Khoa dược - Chức năng, nhiệm vụ tổ chức nhà thuốc bệnh viện. - Cách sắp xếp, bảo quản kho thuốc và dụng cụ y tế , chế độ cấp phát thuốc tại khoa dược - Lập dự trù và cung ứng thuốc tại khoa dược - Danh mục thuốc thiết yếu tại khoa dược. * Nhà thuốc BV - Chức năng nhiệm vụ, hoạt động của nhà thuốc, quầy thuốc . - Cách sắp xếp, bảo quản thuốc và dụng cụ y tế tại nhà thuốc. - Hệ thống kinh doanh của nhà thuốc, quầy thuốc. - Danh mục các loại thuốc và dụng cụ y tế hiện có tại quầy thuốc, nhà thuốc.	2	20	20	0	20		
	5720202		Kỹ thuật dược			2	20	20	0	20		
58												
Tổng cộng							267	1700	6451	1260	128	1745

PHỤ LỤC 2

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432/BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Tiến sĩ/ Y học/ Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/gh ế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Huy Tiến	BS CKII	Ngoại khoa	0002817	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18	Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại	70
2	Ngô Hồng Trung	BSCCKII	Ngoại chấn thương	0002807	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình	30	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa	Chấn thương	72



PHỤ LỤC 2

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432/BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

2. Tiến sĩ/ Kỹ thuật Y học/ Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/gh ế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Thùy Mai	Tiến sĩ SH	Vi sinh	0005772	Kỹ thuật viên xét nghiệm Vi sinh	5	Thực hành các xét nghiệm Huyết học, Sinh hóa, Vi sinh, Giải phẫu bệnh	Thực hành lấy máu, các kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa Vi sinh	183



PHỤ LỤC 2

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432/BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

3. Tiến sĩ/ Y học/ Gây mê hồi sức

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/gh ế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Ngọc San	BS CKII	GMHS	0001551	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	27	Gây mê hồi sức/quy trình kỹ thuật gây mê hồi sức	Thực hành gây mê hồi sức ngoại khoa, các kỹ thuật gây mê hồi sức.	Khoa Vi sinh	20

PHỤ LỤC 2

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432/BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

4. Tiến sĩ/ Y học/ Răng hàm mặt

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/gh ế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Công Suất	BSCCKII	RHM	000002	Khám bệnh, chữa bệnh CK RHM	36	Khám chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Thực hành Khám chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Răng hàm mặt	36

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432/BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

5. Tiến sĩ/ Kỹ thuật Y học/ Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Vũ Anh Tuấn	BSCKII	CDHA	000186	Khám bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.	26	Thực hành các kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả x quang, siêu âm, điện tim.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	

PHỤ LỤC 2

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành

(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CĐT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Thạc sỹ/ Y học/ Hồi sức cấp cứu và chống độc

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đặng Thị Thuý	Thạc sỹ	Hồi sức	0001503	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	27	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Thực hành khám, chữa bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc	Hồi sức tích cực	27
2	Hà Mạnh Hùng	Th.S	Hồi sức	0001389	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	16	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Thực hành khám, chữa bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc		

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành

(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CĐT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

2. Thạc sỹ/ Y học/ Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Huy Tiến	BS CKII	Ngoại	0002817	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18	Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại	70
2	Phạm Việt Hùng	Thạc sỹ	Ngoại	000203	Khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành ngoại khoa, ung bướu	17	Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa		
4	Lương Toàn Thắng	Thạc sỹ	Ngoại chấn thương	0004362	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	18	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	72
5	Nguyễn Tiến Dũng	BS CKI	Ngoại chấn thương	003203	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa chấn thương, chỉnh hình	11	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa		
6	Ngô Hồng Trung	BSCCKII	Ngoại chấn thương	0002807	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình	30	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa		

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CĐT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

3. Thạc sỹ/ Y học/ Nhi khoa

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Nhị Hà	BSCKI	Nhi khoa	0001627	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	24	Nhi khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nhi	92

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CĐT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

4. Thạc sỹ/ Y học/ Nội khoa

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Thoa	Th.S	Tim mạch	0002754	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội: Tim mạch và Hô hấp	26	Nội khoa	Thực hành khám, chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tim mạch	66
2	Trần Quang Định	Th.S	Tim mạch	0003234	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	16	Nội khoa	Thực hành khám, chữa bệnh Nội khoa		
3	Trần Khanh	BSCKI	Nội	000385	Khám bệnh, chữa bệnh hệ nội khoa	20	Nội khoa	Thực hành khám, chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	70
4	Nguyễn Thành Định	BSCKI	Nội	0002831	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	15	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.	Nội Hô hấp	65
5	Nguyễn Khắc Linh	Th.S	Nội	0002755	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội: Tim mạch và Hô hấp	13	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.	Nội B	38
6	Nguyễn Thị Hà	BSCKI	Nội	0001620	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	15	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.		
7	Nguyễn Thị Thanh	Th.S	Nội	0001452	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	24	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.	Lão khoa	38
8	Vũ Ngọc Trung	BSCKI	Nội	0001453	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	13	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.		

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CĐT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

5. Thạc sỹ/ Kỹ thuật Y học/ Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lương Tố Quyên	Th.S	Xét nghiệm	000668	Chuyên khoa xét nghiệm (Huyết học, sinh hóa, vi sinh)	24	Thực hành các xét nghiệm Huyết học, Sinh hóa, Vi sinh, Giải phẫu bệnh	Thực hành lấy máu, các kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa Huyết học	
2	Lê Thùy Mai	Tiến sĩ SH	Vi sinh	0005772	Kỹ thuật viên xét nghiệm Vi sinh	5			Khoa Vi sinh	
3	Nguyễn Tiến Thế	BSCKI	GPB	0001482	Bác sỹ chuyên khoa Giải phẫu bệnh	12			Khoa Giải phẫu bệnh	
4	Nguyễn Thị Ánh Hồng	BSCKII	Xét nghiệm	000029	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	18			Khoa Hóa Sinh	

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

6. Thạc sỹ/ Kỹ thuật Y học/ Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Vũ Anh Tuấn	BSCKII	CDHA	000186	Bác sỹ đa khoa, CKI chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	26	Thực hành các kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả x quang, siêu âm, điện tim.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Ngô Quang Chức	BSCKI	CDHA	000308	Khám bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	6				
3	Bùi Duy Hưng	BS CKI	CDHA	0001660	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	9				

PHỤ LỤC 2

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Đại học/ Y học/ Hồi sức cấp cứu và chống độc

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/gh ế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đặng Thị Thuý	Thạc sỹ	Hồi sức cấp cứu	0001503	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	27	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Thực hành khám, chữa bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc	Hồi sức tích cực	58
2	Hà Mạnh Hùng	Th.S	Hồi sức cấp cứu	0001389	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	16	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Thực hành khám, chữa bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc		



PHỤ LỤC 2

2. Đại học/ Y học/ Ngoại khoa

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/gh ế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Huy Tiến	BS CKII	Ngoại khoa	0002817	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18	Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại	70
2	Phạm Việt Hùng	Thạc sỹ	Ngoại khoa	000203	Khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành ngoại khoa, ung bướu	17	Ngoại khoa	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa		
3	Lương Toàn Thắng	Thạc sỹ	Ngoại chấn thương	0004362	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	18	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	72
4	Nguyễn Tiến Dũng	BS CKI	Ngoại chấn thương	003203	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa chấn thương, chỉnh hình	11	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa		
5	Ngô Hồng Trung	BSCCKII	Ngoại chấn thương	0002807	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình	30	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	Thực hành khám, chữa bệnh ngoại khoa		

3. Đại học/ Y học/ Nhi khoa

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CĐT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/gh ế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Nhị Hà	BSCKI	Nhi khoa	0001627	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	24	Nhi khoa	Thực hành khám, chữa bệnh nhi khoa	Khoa Nhi	92

4. Đại học/ Y học/ Nội khoa

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Thoa	Th.S	Tim Mạch	0002754	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội: Tim mạch và Hô hấp	26	Nội khoa	Thực hành khám, chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tim mạch	66
2	Trần Quang Định	Th.S	Tim Mạch	0003234	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	16	Nội khoa	Thực hành khám, chữa bệnh Nội khoa		
3	Trần Khanh	BSCKI	Nội	000385	Khám bệnh, chữa bệnh hệ nội khoa	20	Nội khoa	Thực hành khám, chữa bệnh Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	70
4	Nguyễn Thành Định	BSCKI	Nội	0002831	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	15	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.	Nội Hô hấp	65
5	Nguyễn Khắc Linh	Th.S	Nội	0002755	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội: Tim mạch và Hô hấp	13	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.	Nội B	38
6	Nguyễn Thị Hà	BSCKI	Nội	0001620	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	15	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.		
7	Nguyễn Thị Thanh	Th.S	Nội	0001452	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	24	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.	Lão khoa	38
8	Vũ Ngọc Trung	BSCKI	Nội	0001453	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	13	Nội khoa	Thực hành khám chữa bệnh nội khoa.		



5. Đại học/ Kỹ thuật Y học/ Kỹ thuật xét nghiệm y học

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/gh ế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lương Tổ Quyền	Th.S	Xét nghiệm	000668	Chuyên khoa xét nghiệm (Huyết học, sinh hóa, vi sinh)	24	Thực hành các xét nghiệm Huyết học, Sinh hóa, Vi sinh, Giải phẫu bệnh	Thực hành lấy máu, các kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa Huyết học	
2	Lê Thùy Mai	Tiến sĩ SH	Vi sinh	0005772	Kỹ thuật viên xét nghiệm Vi sinh	5			Khoa Vi sinh	
3	Nguyễn Tiến Thế	BSCKI	Giải phẫu bệnh	0001482	Bác sỹ chuyên khoa Giải phẫu bệnh	12			Khoa Giải phẫu bệnh	
4	Nguyễn Thị Ánh H	BSCCKII	Xét nghiệm	000029	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	18			Khoa Hóa Sinh	

6. Đại học/ Kỹ thuật Y học/ Kỹ thuật hình ảnh y học

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432/BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Vũ Anh Tuấn	BSCKII	CĐHA	000186	Bác sỹ đa khoa, CKI chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	26	Thực hành các kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả x quang, siêu âm, điện tim.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Ngô Quang Chức	BSCKI	CĐHA	000308	Khám bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	6				
3	Bùi Duy Hưng	BS CKI	CĐHA	0001660	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	9				

7. Đại học/Đại học Điều dưỡng, hộ sinh.

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành

(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đặng Thanh Xuân	BSNT	Cấp cứu	0002756	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	6				
2	Đào Thanh Hùng	ĐHDD	Cấp cứu	0002834	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Đại học theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế	15		Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Hồi sức cấp cứu và chống độc	Hồi sức cấp cứu	15
3	Đặng Thị Thuý	Thạc sỹ	Hồi sức	0001503	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	27				
4	Lý Thị Thái Mai	BS CKI	Hồi sức	0001661	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	16				
5	Hà Mạnh Hùng	Th.S	Hồi sức	0001389	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	16				
6	Nguyễn Thị Thoa	Th.S	Tim mạch	0002754	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội: Tim mạch và Hô hấp	26				

7	Trần Quang Định	Th.S	Tim mạch	0003234	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	16
8	Phan Kim Hương	ĐHDD	Điều dưỡng	0002763	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Đại học theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	8
9	Nguyễn Khắc Linh	Th.S	Nội	0002755	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội: Tim mạch và Hô hấp	13
10	Nguyễn Thị Hà	BSCKI	Nội	0001620	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	15
11	Huỳnh Lệ Tú	ĐHDD	Điều dưỡng	0002568	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	25
12	Trần Khanh	BSCKI	Nội	000385	Khám bệnh, chữa bệnh hệ nội khoa	20
13	Nguyễn Thành Định	BSCKI	Nội	0002831	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	15
14	Lê Thị Hương	ĐDDH	Điều dưỡng	0000431	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	14
15	Nguyễn Thị Thanh	Th.S	Nội	0001452	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	24
16	Vũ Ngọc Trung	BSCKI	Nội	0001453	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	13
17	Trịnh Ngọc Dương	ĐHDD	Điều dưỡng	0001526	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	11

Điều dưỡng cơ bản

Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Nội khoa (Nội tim mạch, Nội tổng hợp, Nội thần kinh cơ xương khớp, Nội hô hấp)	Khoa Nội tim mạch	91
	Nội B	20
	Khoa Nội tổng hợp	86
	Nội Hô Hấp	81
	Khoa Nội thần kinh cơ xương khớp	45
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Ngoại khoa (Thần kinh ung bướu)	Khoa Ngoại thần kinh ung bướu	95

18	Lương Toàn Thắng	Thạc sỹ	Chấn thương	0004362	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	18
19	Nguyễn Tiến Dũng	BS CKI	Chấn thương	003203	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa chấn thương, chỉnh hình	11
20	Ngô Hồng Trung	BSCCKII	Chấn thương	0002807	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình	30
21	Nguyễn Huy Tiến	BS CKII	Ngoại khoa	0002817	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18
22	Phạm Việt Hùng	Thạc sỹ	Ngoại khoa	000203	Khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành ngoại khoa, ung bướu	17
23	Lê Thị Xuân	ĐHDD	Ngoại khoa	0001653	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	19
24	Trần Nhị Hà	BSCCKI	Nhi	0001627	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	24
25	Vũ Xuân Văn	CĐDD	Nhi	000262	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	11
26	Trịnh Thị Lan	ĐHDD	Nhi	0001631	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	8
27	Lương Xuân Kiên	BSCCKI	TN	0001486	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	16
28	Bùi Thị Năm	BSCCKI	TN	0001487	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	16

Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	103
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Ngoại khoa (Tiết niệu và nam học)	Khoa Ngoại tiết niệu và nam học, Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc	80
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Nhi	Khoa Nhi	111
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân truyền nhiễm	Bệnh nhiệt đới	85

29	Hoàng Quỳnh Hoa	Thạc sỹ	Da liễu	000599	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu	9	Điều dưỡng cơ bản	Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân da liễu	Da liễu	33
30	Đặng Thị Lan Anh	CĐDD	DL	0002786	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Trung cấp theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	9		Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân gây mê trước, sau mổ.	Gây mê hồi sức	20
31	Trần Ngọc San	BS CKII	GMHS	0001551	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	27		Thực hành quy trình kỹ thuật kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện.	Kiểm soát nhiễm khuẩn	
32	Mai Thị Thanh Thu	ĐHDD	KSNK	0001580	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	28		Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa mắt	Mắt	33
33	Ngô Trung Thanh	BS CKI	Mắt	000027	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	12		Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa Răng hàm mặt	Răng hàm mặt	36
34	Bùi Thị Bích Liên	ĐHDD	Mắt	000468	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa mắt theo chỉ định của bác sỹ	25				
35	Vũ Kỳ Mạnh	BSCKII	Mắt		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	35				
36	Nguyễn Công Suất	BSCKII	RHM	000002	Khám bệnh, chữa bệnh CK RHM	36				
37	Bùi Công Tuấn	BSCK	RHM	000003	Khám bệnh, chữa bệnh CK RHM	12				
38	Trần Anh Tuấn	BSCKI	Sản	003136	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	14				
39	Trần Thị Huyền	BSCKI	Sản	0004671	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa	5				

40	Nguyễn Thị Dự	CĐNHS	Sản	0001602	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	25
41	Phạm Cẩm Vân	NHS TH	Sản	0001610	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	25
42	Đoàn Ngọc Thủy	Th.S	TDCN	0001568	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	24
43	Phạm Thị Dung	Th.S	TDCN	0001447	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	26
44	Trần Văn Quân	ĐDCĐ	TDCN	000383	Thực hiện theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các gach điều dưỡng	15
45	Vũ Thành Khoa	Th.S	TMH	000085	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	30
46	Nguyễn Thị Mai	CĐĐD	TMH	0001478	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	23
47	Nguyễn Đan Sâm	BSCKI	YHCT	000072	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Y học cổ truyền	15
48	Trần Thị Tuyết	CĐĐD	YHCT	0001458	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	5

Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, hộ sinh chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa Phụ Sản	Phụ sản	85
Thực hành điều dưỡng kỹ thuật viên phụ nội soi	Thăm dò chức năng	12
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa tai mũi họng	Tai mũi họng.	44
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	65



8. Đại học/Dược học/ Dược sỹ

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
 (Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đàm Thị Lâm	DS CKI	Dược			14	+ Thực hành tại khoa dược Bệnh viện	* Khoa dược - Chức năng, nhiệm vụ tổ chức nhà thuốc bệnh viện. - Cách sắp xếp, bảo quản kho thuốc và dụng cụ y tế, chế độ cấp phát thuốc tại khoa dược - Lập dự trữ và cung ứng thuốc tại khoa dược - Danh mục thuốc thiết yếu tại khoa dược.		

							+ Thực hành tại quầy thuốc Bệnh viện		Khoa Dược
2	Ngô Thùy Dương	DSTH	Dược			8	* Nhà thuốc BV - Chức năng nhiệm vụ, hoạt động của nhà thuốc, quầy thuốc . - Cách sắp xếp, bảo quản thuốc và dụng cụ y tế tại nhà thuốc. - Hệ thống kinh doanh của nhà thuốc, quầy thuốc. - Danh mục các loại thuốc và dụng cụ y tế hiện có tại quầy		





Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. Cao đẳng/trung cấp Dịch vụ y tế/ Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Vũ Anh Tuấn	BSCKII	CDHA	000186	Bác sỹ đa khoa, CKI chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	26	Thực hành các kỹ thuật về chẩn đoán hình ảnh	Thực hành các kỹ thuật chụp, đọc kết quả x quang, siêu âm, điện tim.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
2	Ngô Quang Chức	BSCKI	CDHA	000308	Khám bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	6				
3	Bùi Duy Hưng	BS CKI	CDHA	0001660	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	9				

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

2. Cao đẳng, trung cấp/ Dịch vụ y tế/ Kỹ thuật xét nghiệm y học

PHỤ LỤC 2

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Thùy Mai	Tiến sĩ SH	Vi sinh	0005772	Kỹ thuật viên xét nghiệm Vi sinh		Thực hành các xét nghiệm Huyết học, Sinh hóa, Vi sinh, Giải phẫu bệnh	Thực hành lấy máu, các kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa Vi Sinh	
2	Phạm Thảo Uyên	ĐHKTV	Vi sinh	0001461	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	14				
3	Nguyễn Tiến Thế	BSCKI	GPB	0001482	Bác sỹ chuyên khoa Giải phẫu bệnh	12			Giải phẫu Bệnh	
4	Lương Tố Quyên	Th.S	HHTM	000668	Chuyên khoa xét nghiệm (Huyết học, sinh hóa, vi sinh)	24			Huyết học - Truyền máu	
5	Đào Thị Hồng Hạnh	ĐHKTV	HHTM	000667	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm (Huyết học, sinh hóa, vi sinh)	23				
6	Nguyễn Thị Ánh Hồng	BSCII	HS	000029	Chuyên khoa xét nghiệm Hóa sinh	18			Hóa sinh	
7	Đỗ Thanh Huyền	ĐHXN	HS	0002845	Kỹ thuật viên Xét nghiệm	25				

PHỤ LỤC 2

3. Cao đẳng, trung cấp/ Dược học/ Dược sĩ

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đàm Thị Lâm	DS CKI	Dược			14		* Khoa dược - Chức năng, nhiệm vụ tổ chức nhà thuốc bệnh viện. - Cách sắp xếp, bảo quản kho thuốc và dụng cụ y tế, chế độ cấp phát thuốc tại khoa dược		

2	Ngô Thùy Dương	DSTH	Dược			8	+ Thực hành tại khoa dược Bệnh viện + Thực hành tại quầy thuốc Bệnh viện	- Lập dự trữ và cung ứng thuốc tại khoa dược - Danh mục thuốc thiết yếu tại khoa dược. * Nhà thuốc BV - Chức năng nhiệm vụ, hoạt động của nhà thuốc, quầy thuốc . - Cách sắp xếp, bảo quản thuốc và dụng cụ y tế tại nhà thuốc. - Hệ thống kinh doanh của nhà thuốc, quầy thuốc. - Danh mục các loại thuốc và dụng cụ y tế hiện có tại quầy thuốc, nhà thuốc.	Khoa Dược	
---	----------------	------	------	--	--	---	---	---	-----------	--



4. Cao đẳng/trung cấp Điều dưỡng hộ sinh/ Điều dưỡng

Danh sách người giảng dạy thực hành tại khoa/ đơn vị, số lượng giường/ ghế răng đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực hành
(Đính kèm Công văn số 432 /BVT-CDT&HTQT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đặng Thanh Xuân	BSNT	Cấp cứu	0002756	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	6		Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Hồi sức cấp cứu và chống độc	Hồi sức cấp cứu	15
2	Đào Thanh Hùng	ĐHDD	Cấp cứu	0002834	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Đại học theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	15				
3	Đặng Thị Thuý	Thạc sỹ	Hồi sức	0001503	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	27				
4	Lý Thị Thái Mai	BS CKI	Hồi sức	0001661	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	16				
5	Hà Mạnh Hùng	Th.S	Hồi sức	0001389	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	16				
6	Nguyễn Thị Thoa	Th.S	Tim mạch	0002754	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội: Tim mạch và Hô hấp	26				
									Hồi sức tích cực	58

7	Trần Quang Định	Th.S	Tim mạch	0003234	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	16
8	Phan Kim Hương	ĐHĐD	Điều dưỡng	0002763	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Đại học theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	8
9	Nguyễn Khắc Linh	Th.S	Nội	0002755	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội: Tim mạch và Hô hấp	13
10	Nguyễn Thị Hà	BSCKI	Nội	0001620	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	15
11	Huỳnh Lệ Tú	ĐHĐD	Điều dưỡng	0002568	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	25
12	Trần Khanh	BSCKI	Nội	000385	Khám bệnh, chữa bệnh hệ nội khoa	20
13	Nguyễn Thành Định	BSCKI	Nội	0002831	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	15
14	Lê Thị Hương	ĐDDH	Điều dưỡng	0000431	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	14
15	Nguyễn Thị Thanh	Th.S	Nội	0001452	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	24
16	Trần Thị Thuý Nga	CĐĐD	Điều dưỡng	0001456	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	28
17	Vũ Ngọc Trung	BSCKI	Nội	0001453	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Thần kinh	13

Điều dưỡng cơ bản

Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Nội khoa (Nội tim mạch, Nội tổng hợp, Nội thần kinh cơ xương khớp, Nội hô hấp)	Khoa Nội tim mạch	91
	Nội B	20
	Khoa Nội tổng hợp	86
	Nội Hô Hấp	81
	Khoa Nội thần kinh cơ xương khớp	45

18	Trịnh Ngọc Dương	ĐHĐD	Điều dưỡng	0001526	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	11
19	Lương Toàn Thắng	Thạc sỹ	Chấn thương	0004362	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	18
20	Nguyễn Tiến Dũng	BS CKI	Chấn thương	003203	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa chấn thương, chỉnh hình	11
21	Ngô Hồng Trung	BSCKII	Chấn thương	0002807	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương, chỉnh hình	30
22	Nguyễn Huy Tiến	BS CKII	Ngoại khoa	0002817	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18
23	Phạm Việt Hùng	Thạc sỹ	Ngoại khoa	000203	Khám bệnh chữa bệnh chuyên ngành ngoại khoa, ung bướu	17
24	Lê Thị Xuân	ĐHĐD	Điều dưỡng	0001653	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	19
25	Trần Nhị Hà	BSCKI	Nhi khoa	0001627	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	24
26	Vũ Xuân Văn	CĐĐD	Điều dưỡng	000262	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	11

Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Ngoại khoa (Thần kinh ung bướu)	Khoa Ngoại thần kinh ung bướu	95
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	103
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Ngoại khoa (Tiết niệu và nam học)	Khoa Ngoại tiết niệu và nam học, Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Ngoại khoa (Tổng hợp)	80
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân Nhi	Khoa Nhi	111

27	Trịnh Thị Lan	ĐHDD	Điều dưỡng	0001631	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	8
28	Lương Xuân Kiên	BSCKI	Truyền Nhiễm	0001486	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	16
29	Bùi Thị Năm	BSCKI	Truyền Nhiễm	0001487	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	16
30	Hoàng Quỳnh Hoa	Thạc sỹ	Da liễu	000599	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu	9
31	Đặng Thị Lan Anh	CĐDD	Điều dưỡng	0002786	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Trung cấp theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	9
32	Trần Ngọc San	BS CKII	Gây mê hồi sức	0001551	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	27
33	Dương Văn Trung		Gây mê hồi sức		Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
34	Mai Thị Thanh Thủy	ĐHDD	KSNK	0001580	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	28
35	Ngô Trung Thanh	BS CKI	Mắt	000027	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	12

Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân truyền nhiễm	Bệnh nhiệt đới	85
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân da liễu	Da liễu	33
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc theo dõi bệnh nhân gây mê trước, sau mổ.	Gây mê hồi sức	20
Thực hành quy trình kỹ thuật kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện.	Kiểm soát nhiễm khuẩn	

36	Bùi Thị Bích Liên	ĐHDD	Điều dưỡng	000468	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa mắt theo chỉ định của bác sỹ	25
37	Vũ Kỳ Mạnh	BSCCKII	Mắt		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	35
38	Nguyễn Công Suất	BSCCKII	RHM	000002	Khám bệnh, chữa bệnh CK RHM	36
39	Bùi Công Tuấn	BSCCK	RHM	000003	Khám bệnh, chữa bệnh CK RHM	12
40	Trần Anh Tuấn	BSCCKI	Sản	003136	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản	14
41	Trần Thị Huyền	BSCCKI	Sản	0004671	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa	5
42	Nguyễn Thị Dự	CĐNHS	Hộ sinh	0001602	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	25
43	Phạm Cẩm Vân	NHS TH	Hộ sinh	0001610	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế	25
44	Đoàn Ngọc Thủy	Th.S	TDCN	0001568	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	24
45	Phạm Thị Dung	Th.S	TDCN	0001447	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	26
46	Trần Văn Quân	ĐDCĐ	Điều dưỡng	000383	Thực hiện theo qui định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch điều dưỡng	15

Điều dưỡng cơ bản

Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa mắt	Mắt	33
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa Răng hàm mặt	Răng hàm mặt	36
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng, hộ sinh chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa Phụ Sản	Phụ sản	85
Thực hành điều dưỡng kỹ thuật viên phụ nội soi	Thăm dò chức năng	12

47	Vũ Thành Khoa	Th.S	TMH	000085	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	30
48	Nguyễn Thị Mai	CĐDD	Điều dưỡng	0001478	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	23
49	Nguyễn Đan Sâm	BSCKI	YHCT	000072	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Y học cổ truyền	15
50	Trần Thị Tuyết	CĐDD	Điều dưỡng	0001458	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	5
51	Vũ Thị Hương Giang	BSCKI	Bác sĩ	0001155	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	22
52	Phạm Phú Quảng	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001542	Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	16

Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa tai mũi họng	Tai mũi họng.	44
Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	65
Thực hành khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng.	Phục hồi chức năng	





**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Đính kèm Công văn số 432/BVT-CDT&HTQT ngày 02/5/2019

của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng học	4	
2	Máy chiếu	4	
3	Bảng viết	4	
4	Máy Monitor TDBN 6 thông số	1	Khoa chấn thương
5	Bơm tiêm điện Terumo 311	1	Khoa chấn thương
6	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa chấn thương
7	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa chấn thương
8	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa chấn thương
9	Xe hút dịch màng phổi ALT	3	Khoa chấn thương
10	Xe hút cầm tường 2 bình	5	Khoa chấn thương
11	Máy hút chân không áp lực thấp	1	Khoa chấn thương
12	Máy xông khí dung	1	Khoa chấn thương
13	Đèn mổ di động	1	Khoa chấn thương
14	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa chấn thương
15	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa chấn thương
16	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa chấn thương
17	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa chấn thương
18	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa chấn thương
19	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa chấn thương
20	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa chấn thương
21	Máy đo đường máu mao mạch	1	Khoa chấn thương
22	Đèn tiệt trùng di động 2 bóng	3	Khoa chấn thương
23	Bình oxy lưu động 3l + đồng hồ	1	Khoa chấn thương
24	Máy cất nước 1 lần GFL	1	Khoa dược
25	Cân điện tử Salorius	1	Khoa dược
26	Cân điện tử Cobos	1	Khoa dược
27	Cân điện tử Mettler	1	Khoa dược
28	Máy hút ẩm National	1	Khoa dược
29	Máy hút ẩm Nakagawa	1	Khoa dược
30	Máy hút ẩm Edison	1	Khoa dược
31	Máy hút ẩm FDH	1	Khoa dược
32	Tủ lạnh Frigidaife	1	Khoa dược

33	Tủ lạnh Sharp 150L	1	Khoa dược
34	Tủ lạnh Hitachi 250L	1	Khoa dược
35	Tủ lạnh Panasonic 300L	1	Khoa dược
36	Tủ lạnh Panasonic 180L	1	Khoa dược
37	Tủ lạnh Panasonic 300L	1	Khoa dược
38	Tủ lạnh Toshiba 200L	1	Khoa dược
39	Tủ lạnh Funiki	1	Khoa dược
40	Tủ lạnh Sanyo	1	Khoa dược
41	Tủ lạnh Sanyo SR 245JR 2 cánh	1	Khoa dược
42	Máy cất nước 2 lần 20l/h	1	Khoa dược
43	Máy thở đa năng Evita4	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
44	Máy thở đa năng Evita4	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
45	Máy thở đa năng Evita4	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
46	Máy thở đa năng Evita4	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
47	Máy thở Newport E360	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
48	Máy thở Newport E360	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
49	Máy thở Bennett 840	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
50	Máy thở Bennett 840	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
51	Máy thở Bennett 760	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
52	Máy thở Bennett 760	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
53	Máy thở Newport HT 50	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
54	Máy thở VeLa	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
55	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
56	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
57	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
58	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
59	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
60	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
61	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
62	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
63	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
64	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
65	Máy Mornitor TDBN 8 thông số	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
66	Máy Mornitor TDBN 8 thông số	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
67	Máy Mornitor TDBN 8 thông số	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
68	Máy Mornitor TDBN 8 thông số	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
69	Mornitor Nihon Kohden	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
70	Mornitor Nihon Kohden	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
71	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 8 thông số	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
72	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 8 thông số	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
73	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 8 thông số	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
74	Máy Monitor theo dõi bệnh nhân 8 thông số	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
75	Máy Mornitor TDBN 5 Tsố cấu hình TB	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
76	Máy Mornitor TDBN 5 Tsố cấu hình TB	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT

77	Mornitor TDBN 5 T số cấu hình cao	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
78	Mornitor TDBN 5 T số cấu hình cao	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
79	Mornitor TDBN 5 T số cấu hình cao	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
80	Bơm tiêm điện Terumo 311	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
81	Bơm tiêm điện Terumo 311	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
82	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
83	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
84	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
85	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
86	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
87	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
88	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
89	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
90	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
91	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
92	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
93	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
94	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
95	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
96	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
97	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
98	Bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
99	Bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
100	Bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
101	Bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
102	Bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
103	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
104	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
105	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
106	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
107	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
108	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
109	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
110	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
111	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
112	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
113	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
114	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
115	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
116	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
117	Máy truyền dịch Braun	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
118	Máy làm ấm dịch truyền am2s	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
119	Máy làm ấm dịch truyền am2s	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
120	Máy đo SPO2	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT

121	Máy đo SPO2	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
122	Máy đo SPO2	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
123	Máy đo SPO2	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
124	Xe hút cầm tường 2 bình	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
125	Xe hút cầm tường 2 bình	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
126	Bộ hút cầm tường 1 bình	7	Khoa HSTC, chống độc -TNT
127	Bộ hút cầm tường 1 bình	14	Khoa HSTC, chống độc -TNT
128	Xe hút khí màng phổi ALT	4	Khoa HSTC, chống độc -TNT
129	Máy sốc điện	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
130	Máy sốc điện Zoll	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
131	Máy tạo nhịp tim ngoài cơ thể	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
132	Máy siêu âm doppler màu 2D, 3 đầu dò: tim, ổ bụng,	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
133	Máy điện tim 1 cần	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
134	Hệ thống nội soi phế quản olympus	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
135	Hệ thống máy lọc máu gan hấp thụ phân tử (MARS)	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
136	Bộ mars (lọc gan)		Khoa HSTC, chống độc -TNT
137	Máy siêu lọc liên tục	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
138	Máy siêu lọc HDF Online	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
139	Máy siêu lọc liên tục Multifiltrate	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
140	Máy siêu lọc liên tục	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
141	Máy đo áp lực nội sọ	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
142	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
143	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
144	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
145	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
146	Máy lọc thận Fresenius	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
147	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
148	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
149	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
150	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
151	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
152	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
153	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
154	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
155	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
156	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
157	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
158	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
159	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
160	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
161	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
162	Máy lọc thận Dialog	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
163	Máy xông khí dung	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
164	Máy xông khí dung	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT

165	Máy xông khí dung	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
166	Máy xông khí dung	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
167	Máy lọc không khí	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
168	Máy lọc không khí	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
169	Máy lọc không khí	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
170	Máy lọc không khí	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
171	Máy rửa quả lọc NMC2	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
172	Máy bơm HC bảo quản quả lọc	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
173	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
174	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
175	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
176	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
177	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
178	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
179	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
180	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
181	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
182	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
183	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
184	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
185	Giường điện hồi sức cấp cứu	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
186	Giường điện HSCC Ba lan	9	Khoa HSTC, chống độc -TNT
187	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình cao	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
188	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình cao	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
189	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình cao	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
190	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình cao	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
191	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình cao	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
192	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
193	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
194	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
195	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
196	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
197	Máy đo đường máu mao mạch	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
198	Đèn mổ	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
199	HT máy tim phổi nhân tạo HSCC ECMO	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
200	HT máy kiểm soát thân nhiệt	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
201	HT máy Monitor trung tâm	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
202	Máy thở xách tay	1	Khoa HSTC, chống độc -TNT
203	Máy truyền dịch B.braun	1	Khoa ngoại
204	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa ngoại
205	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa ngoại
206	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa ngoại
207	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa ngoại
208	Máy Monitor (TDBN) Goldway	1	Khoa ngoại

209	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 Tsố	1	Khoa ngoại
210	Máy đo SpO2 di động Mindray	1	Khoa ngoại
211	Máy đo SpO2 di động Mindray	1	Khoa ngoại
212	Xe hút cầm tường 2 bình Hersill	3	Khoa ngoại
213	Xe hút khí màng phổi Hersill	1	Khoa ngoại
214	Đèn tiểu phẫu di động Riester	1	Khoa ngoại
215	Đèn tiết trùng di động 2 bóng	1	Khoa ngoại
216	Máy xông khí dung	2	Khoa ngoại
217	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ngoại
218	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ngoại
219	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ngoại
220	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ngoại
221	Bình oxy lưu động + đồng hồ 3l	1	Khoa ngoại
222	Bình oxy lưu động + đồng hồ 5l	1	Khoa ngoại
223	Máy Monitor (TDBN) Mindray	1	Khoa Nhi
224	Máy Monitor (TDBN) Mindray	1	Khoa Nhi
225	Máy Monitor (TDBN) Nihonkohden	1	Khoa Nhi
226	Máy làm ấm dịch truyền	1	Khoa Nhi
227	Máy làm ấm dịch truyền	1	Khoa Nhi
228	Máy làm ấm dịch truyền	1	Khoa Nhi
229	Máy làm ấm dịch truyền	1	Khoa Nhi
230	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
231	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
232	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
233	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
234	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
235	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
236	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
237	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
238	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
239	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
240	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
241	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
242	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
243	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa Nhi
244	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
245	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
246	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
247	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
248	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
249	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
250	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
251	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
252	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi

253	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
254	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
255	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
256	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
257	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
258	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
259	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
260	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa Nhi
261	Máy truyền dịch B.braun	1	Khoa Nhi
262	Máy thở Newport	1	Khoa Nhi
263	Máy thở Newport	1	Khoa Nhi
264	Máy thở CPAP Medin	1	Khoa Nhi
265	Máy thở CPAP KSE	1	Khoa Nhi
266	Máy thở CPAP KSE	1	Khoa Nhi
267	Máy thở CPAP KSE	1	Khoa Nhi
268	Lồng ấp trẻ sơ sinh ODA	1	Khoa Nhi
269	Lồng ấp trẻ sơ sinh ODA	1	Khoa Nhi
270	Lồng ấp trẻ sơ sinh ODA	1	Khoa Nhi
271	Lồng ấp trẻ sơ sinh Bistos	1	Khoa Nhi
272	Đèn chiếu vàng da Bistos	1	Khoa Nhi
273	Đèn chiếu vàng da Bistos	1	Khoa Nhi
274	Đèn chiếu vàng da Led	1	Khoa Nhi
275	Đèn chiếu vàng da Led	1	Khoa Nhi
276	Máy đo SpO2 di động	1	Khoa Nhi
277	Máy đo SpO2 di động	1	Khoa Nhi
278	Máy đo SpO2 di động	1	Khoa Nhi
279	Máy đo SpO2 di động	1	Khoa Nhi
280	Máy đo SpO2 di động	1	Khoa Nhi
281	Máy đo SpO2 di động	1	Khoa Nhi
282	Máy đo SpO2 di động	1	Khoa Nhi
283	Máy hút cầm tường 2 bình Hersill	3	Khoa Nhi
284	Bình oxy lưu động + đồng hồ	3	Khoa Nhi
285	Bình làm ẩm oxy cầm tường	10	Khoa Nhi
286	Bình làm ẩm oxy cầm tường	5	Khoa Nhi
287	Cân điện tử trẻ sơ sinh	1	Khoa Nhi
288	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	1	Khoa Nhi
289	Lồng ấp trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
290	Lồng ấp trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
291	Lồng ấp trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
292	Lồng ấp trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
293	Giường HSCC trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
294	Giường HSCC trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
295	Giường HSCC trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
296	Giường HSCC trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi

297	Máy thở trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
298	Máy thở trẻ sơ sinh Drager	1	Khoa Nhi
299	Máy Monitor (TDBN) 6 thông số	1	Khoa Nhi
300	Máy Monitor (TDBN) 6 thông số	1	Khoa Nhi
301	Máy Monitor (TDBN) 6 thông số	1	Khoa Nhi
302	Máy Monitor (TDBN) 6 thông số	1	Khoa Nhi
303	Máy Monitor 5 thông số (cấu hình TB)	1	Khoa Nhi
304	Máy Monitor 5 thông số (cấu hình cao)	1	Khoa Nhi
305	Máy đo đường huyết	1	Khoa Nhi
306	Hệ thống Pental treo trần Trilux	1	Khoa PT và CTM
307	Máy đốt ổ loạn nhịp tim St-Jude	1	Khoa PT và CTM
308	Máy gây mê kèm thở Drager	1	Khoa PT và CTM
309	Monitor 6 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
310	Máy phá rung tim 2 pha Schiller	1	Khoa PT và CTM
311	Máy siêu âm nội mạch Vocano	1	Khoa PT và CTM
312	Máy thở đa năng Drager	1	Khoa PT và CTM
313	Máy tim phổi nhân tạo Maquet	1	Khoa PT và CTM
314	Máy tạo nhịp tim ngoài cơ thể Livetec	1	Khoa PT và CTM
315	Máy tạo nhịp tim ngoài cơ thể Livetec	1	Khoa PT và CTM
316	Máy Monitor 8 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
317	Máy Monitor 8 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
318	Máy Monitor 8 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
319	Máy Monitor 6 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
320	Máy Monitor 6 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
321	Máy Monitor 6 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
322	Máy Monitor 6 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
323	Máy Monitor 6 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
324	Máy Monitor 6 thông số Drager	1	Khoa PT và CTM
325	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
326	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
327	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
328	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
329	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
330	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
331	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
332	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
333	Giường điện hồi sức cấp cứu Linet	1	Khoa PT và CTM
334	Máy hút áp lực thấp Ardo	1	Khoa PT và CTM
335	Máy hút áp lực thấp Ardo	1	Khoa PT và CTM
336	Máy hút áp lực thấp Ardo	1	Khoa PT và CTM
337	Máy hút áp lực thấp Ardo	1	Khoa PT và CTM
338	Máy hút áp lực thấp Ardo	1	Khoa PT và CTM
339	Máy hút áp lực thấp Ardo	1	Khoa PT và CTM
340	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM

341	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
342	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
343	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
344	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
345	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
346	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
347	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
348	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
349	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa PT và CTM
350	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
351	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
352	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
353	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
354	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
355	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
356	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
357	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
358	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
359	Máy bơm tiêm điện B.Braun	1	Khoa PT và CTM
360	Hệ thống máy chụp mạch bao gồm máy in phim màu	1	Khoa PT và CTM
361	Hệ thống máy ghi điện sinh lý tim St.jude	1	Khoa PT và CTM
362	Đèn mổ treo trần Merivaara	1	Khoa PT và CTM
363	Đèn mổ kính núp đeo trán Wolf	1	Khoa PT và CTM
364	Bàn mổ tim Merivaara	1	Khoa PT và CTM
365	Xe hút dịch áp lực thấp	6	Khoa PT và CTM
366	Xe hút dịch áp lực cao	5	Khoa PT và CTM
367	Áo chì	10	Khoa PT và CTM
368	Máy sưởi ấm cơ thể bệnh nhân	1	Khoa PT và CTM
369	Máy nâng hạ thân nhiệt	1	Khoa PT và CTM
370	Máy thở Bennett 760	1	Khoa GMHS
371	Máy thở Newport E150	1	Khoa GMHS
372	Máy thở Newport E150	1	Khoa GMHS
373	Máy thở đa năng Evita4	1	Khoa GMHS
374	Máy thở đa năng Evita4	1	Khoa GMHS
375	Máy gây mê Fabius	1	Khoa GMHS
376	Máy gây mê Fabius	1	Khoa GMHS
377	Máy gây mê Fabius	1	Khoa GMHS
378	Máy gây mê Fabius	1	Khoa GMHS
379	Máy gây mê Aespire 7900	1	Khoa GMHS
380	Máy gây mê kèm thở đa năng	1	Khoa GMHS
381	Bộ theo dõi khí mê	1	Khoa GMHS
382	Máy Monitor TDBN	1	Khoa GMHS
383	Máy gây mê kèm thở đa năng	1	Khoa GMHS
384	Bộ theo dõi khí mê	1	Khoa GMHS

385	Máy Monitor TDBN	1	Khoa GMHS
386	Máy gây mê kèm thở cho trẻ sơ sinh	1	Khoa GMHS
387	Bộ theo dõi khí mê	1	Khoa GMHS
388	Máy Monitor TDBN	1	Khoa GMHS
389	Máy Mornitor TDBN Niholkoden	1	Khoa GMHS
390	Máy Mornitor TDBN Niholkoden	1	Khoa GMHS
391	Máy Mornitor TDBN 6 thông số	1	Khoa GMHS
392	Máy Mornitor TDBN 8 thông số	1	Khoa GMHS
393	Máy Mornitor TDBN 8 thông số	1	Khoa GMHS
394	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa GMHS
395	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa GMHS
396	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa GMHS
397	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa GMHS
398	Máy Monitor TDBN 8 thông số	1	Khoa GMHS
399	Máy Monitor TDBN 8 thông số	1	Khoa GMHS
400	Máy Monitor TDBN 8 thông số	1	Khoa GMHS
401	Máy Monitor TDBN 8 thông số	1	Khoa GMHS
402	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
403	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
404	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
405	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
406	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
407	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
408	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
409	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
410	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
411	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
412	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
413	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa GMHS
414	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa GMHS
415	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa GMHS
416	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa GMHS
417	Máy làm ấm dịch truyền am2s	1	Khoa GMHS
418	Máy làm ấm dịch truyền am2s	1	Khoa GMHS
419	Máy đo SPO2 di động	1	Khoa GMHS
420	Máy đo SPO2 di động	1	Khoa GMHS
421	Máy đo SPO2 di động	1	Khoa GMHS
422	Máy đo SPO2 di động	1	Khoa GMHS
423	Máy hút dịch phẫu thuật	1	Khoa GMHS
424	Máy hút dịch phẫu thuật	1	Khoa GMHS
425	Xe hút dịch màng phổi	3	Khoa GMHS
426	Máy hút chân không áp lực thấp	1	Khoa GMHS
427	Bộ hút cầm tường 1 bình	7	Khoa GMHS
428	Xe hút cầm tường 2 bình	9	Khoa GMHS

429	Dao mổ điện cao tần Integra	1	Khoa GMHS
430	Dao mổ điện cao tần Integra	1	Khoa GMHS
431	Dao mổ điện cao tần Geister	1	Khoa GMHS
432	Dao mổ điện cao tần Geister	1	Khoa GMHS
433	Dao mổ điện siêu âm	1	Khoa GMHS
434	Dao mổ điện cao tần Sable	1	Khoa GMHS
435	Dao mổ điện cao tần Sable	1	Khoa GMHS
436	Dao mổ điện cao tần, đơn cực + lưỡng cực - 300W	1	Khoa GMHS
437	Dao mổ điện cao tần, đơn cực + lưỡng cực - 300W	1	Khoa GMHS
438	Dao mổ điện cao tần	1	Khoa GMHS
439	Dao mổ điện siêu âm:	1	Khoa GMHS
440	Máy cắt đốt điện cao tần đồng bộ	1	Khoa GMHS
441	Giá để máy	1	Khoa GMHS
442	Máy sốc điện	1	Khoa GMHS
443	Máy khoan điện Elan	1	Khoa GMHS
444	Máy khoan điện Unidrive II plus	1	Khoa GMHS
445	Máy khoan điện để bàn nopa	1	Khoa GMHS
446	Máy khoan điện cầm tay nopa	1	Khoa GMHS
447	Máy khoan xương điện Aesculap	1	Khoa GMHS
448	Khoan điện Hitachi	1	Khoa GMHS
449	Khoan điện Hitachi	1	Khoa GMHS
450	Khoan điện Hitachi	1	Khoa GMHS
451	Khoan điện Hitachi	1	Khoa GMHS
452	Khoan điện Crown	1	Khoa GMHS
453	TB Cưa xương loại điện	1	Khoa GMHS
454	TB Cưa xương loại điện	1	Khoa GMHS
455	Máy chụp XQ - Philips C- arm	1	Khoa GMHS
456	Máy XQ C - arm dùng trong PM, CTCH, PTTK	1	Khoa GMHS
457	Máy điện tim 3 cần	1	Khoa GMHS
458	Hệ thống mổ nội soi olympus gồm:	1	Khoa GMHS
459	Màn hình	1	Khoa GMHS
460	Máy bơm khí CO2	1	Khoa GMHS
461	Bộ nguồn sáng + dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
462	Bộ xử lý hình ảnh SCB tricam SLII + Camera (OZ	1	Khoa GMHS
463	Hệ thống mổ nội soi TMH gồm:	1	Khoa GMHS
464	Bộ xử lý hình ảnh Telecam DXII + Camera	1	Khoa GMHS
465	Bộ nguồn sáng xenon nova + dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
466	Hệ thống nội soi khớp gối:	1	Khoa GMHS
467	Màn hình	1	Khoa GMHS
468	Bộ xử lý hình ảnh + Camera	1	Khoa GMHS
469	Máy bào khớp	1	Khoa GMHS
470	Máy cắt,đốt siêu âm	1	Khoa GMHS
471	Bộ nguồn sáng(xenon) + dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
472	Máy bơm dịch rửa phẫu thuật	1	Khoa GMHS

473	Máy Gago hơi	1	Khoa GMHS
474	Hệ thống mổ nội soi đa năng 1 gồm:	1	Khoa GMHS
475	Màn hình Sony	1	Khoa GMHS
476	Máy bơm khí CO2 SCB	1	Khoa GMHS
477	Bộ nguồn sáng Xenon Nova 300 + dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
478	Bộ xử lý hình ảnh Telecam DXII + Camera	1	Khoa GMHS
479	Dao mổ điện cao tần Geister	1	Khoa GMHS
480	Hệ thống mổ nội soi đa năng 2 gồm:	1	Khoa GMHS
481	Màn hình Sony	1	Khoa GMHS
482	Máy bơm dịch rửa phẫu thuật	1	Khoa GMHS
483	Máy bơm khí CO2 SCB	1	Khoa GMHS
484	Bộ xử lý hình ảnh + Camera	1	Khoa GMHS
485	Bộ nguồn sáng + dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
486	Dao mổ điện cao tần Geister	1	Khoa GMHS
487	Máy tán sỏi niệu quản ngược dòng Calcu split	1	Khoa GMHS
488	Máy cắt bệnh phẩm qua nội soi SCB unidrive GYN	1	Khoa GMHS
489	Máy tán sỏi thận qua ống NS Laser	1	Khoa GMHS
490	Hệ thống nội soi tiết niệu Karl Storz gồm:	1	Khoa GMHS
491	Màn hình Sony	1	Khoa GMHS
492	Bộ nguồn sáng xenon nova 175+ dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
493	Bộ xử lý hình ảnh SCB tricam SLII+ Camera	1	Khoa GMHS
494	Hệ thống nội soi mũi xoang gồm:	1	Khoa GMHS
495	Màn hình Sony	1	Khoa GMHS
496	Bộ nguồn sáng xenon nova 175 + dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
497	Bộ xử lý hình ảnh telecam DX II + Camera	1	Khoa GMHS
498	Bộ cắt hút nội soi mũi xoang unidrive S III ENT	1	Khoa GMHS
499	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng gồm:	1	Khoa GMHS
500	Màn hình	1	Khoa GMHS
501	Bộ nguồn sáng SCB power LED 175 + dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
502	Bộ xử lý tín hiệu hình ảnh image1 H3- link + Came	1	Khoa GMHS
503	Bộ truy xuất hình ảnh image1 conect	1	Khoa GMHS
504	Máy bơm khí CO2 SCB thermoflator	1	Khoa GMHS
505	Dao mổ điện cao tần	1	Khoa GMHS
506	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiết niệu gồm:	1	Khoa GMHS
507	Màn hình Led HD	1	Khoa GMHS
508	Máy bơm dịch rửa phẫu thuật	1	Khoa GMHS
509	Bộ xử lý hình ảnh + Camera	1	Khoa GMHS
510	Bộ nguồn sáng + Dây dẫn sáng	1	Khoa GMHS
511	Máy bơm khí CO2	1	Khoa GMHS
512	Kính HV PT TMH opmi	1	Khoa GMHS
513	Hệ thống kính HV PT M525 F50	1	Khoa GMHS
514	Máy xông khí dung	1	Khoa GMHS
515	Máy tháo lồng ruột (2 khối)	1	Khoa GMHS
516	Máy bào da Zimmer	1	Khoa GMHS

517	Bàn mổ thủy lực cơ	1	Khoa GMHS
518	Bàn mổ thủy lực cơ	1	Khoa GMHS
519	Bàn mổ thủy lực điện	1	Khoa GMHS
520	Bàn mổ thủy lực điện	1	Khoa GMHS
521	Bàn mổ thủy lực chấn thương cơ	1	Khoa GMHS
522	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình	1	Khoa GMHS
523	Bàn mổ đại phẫu đa năng	1	Khoa GMHS
524	Bàn phẫu thuật sản khoa	1	Khoa GMHS
525	Giường hồi sức cấp cứu	1	Khoa GMHS
526	Đèn mổ treo trần 2 chóa	1	Khoa GMHS
527	Đèn mổ treo trần 2 chóa	1	Khoa GMHS
528	Đèn mổ treo trần 2 chóa	1	Khoa GMHS
529	Đèn mổ treo trần 2 chóa	1	Khoa GMHS
530	Đèn mổ treo trần 2 chóa	1	Khoa GMHS
531	Đèn mổ treo trần 2 chóa	1	Khoa GMHS
532	Đèn mổ treo trần 2 chóa	1	Khoa GMHS
533	Đèn mổ treo trần 2 chóa	1	Khoa GMHS
534	Bộ Pandal treo trần 8 ổ cắm khí	1	Khoa GMHS
535	Bộ Pandal treo trần 8 ổ cắm khí	1	Khoa GMHS
536	Máy lọc không khí	1	Khoa GMHS
537	Máy lọc không khí	1	Khoa GMHS
538	Máy lọc không khí	1	Khoa GMHS
539	Máy lọc không khí	1	Khoa GMHS
540	TB tiết trùng không khí	1	Khoa GMHS
541	TB tiết trùng không khí	1	Khoa GMHS
542	TB tiết trùng không khí	1	Khoa GMHS
543	TB tiết trùng không khí	1	Khoa GMHS
544	TB tiết trùng không khí	1	Khoa GMHS
545	TB tiết trùng không khí	1	Khoa GMHS
546	TB tiết trùng không khí	1	Khoa GMHS
547	TB tiết trùng không khí	1	Khoa GMHS
548	TB tiết trùng không khí	4	Khoa GMHS
549	Cân điện tử trẻ sơ sinh	1	Khoa GMHS
550	Tủ âm Memmert	1	Khoa GMHS
551	Máy in màu Sony	1	Khoa GMHS
552	Hệ thống máy, ghế khám chữa răng	1	Khoa GMHS
553	Máy XQ răng (kèm HT chuyển đổi, máy tính, máy in)	1	Khoa RHM
554	Máy khoan răng điện	1	Khoa RHM
555	Máy đo SpO2 di động	1	Khoa RHM
556	Xe hút cầm tường Hersill 2 bình	2	Khoa RHM
557	Đèn quang trùng hợp	1	Khoa RHM
558	Máy Monitor TDBN MP20	1	Khoa Sản
559	Máy Monitor TDBN Imec 10	1	Khoa Sản
560	Máy Monitor TDBN Imec 10	1	Khoa Sản

561	Máy Monitor sản khoa Toitu	1	Khoa Sản
562	Máy Monitor sản khoa Toitu	1	Khoa Sản
563	Máy Monitor theo dõi sản khoa	1	Khoa Sản
564	Máy Monitor theo dõi sản khoa	1	Khoa Sản
565	Máy Monitor TDBN 6 Thông số	1	Khoa Sản
566	Máy Monitor TDBN 6 Thông số	1	Khoa Sản
567	Máy Monitor TDBN 6 Thông số	1	Khoa Sản
568	Máy Monitor TDBN 6 Thông số	1	Khoa Sản
569	Máy Monitor sản khoa	1	Khoa Sản
570	Máy Bơm tiêm điện Terumo 311	1	Khoa Sản
571	Máy Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa Sản
572	Máy Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa Sản
573	Máy Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa Sản
574	Máy Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa Sản
575	Máy Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa Sản
576	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa Sản
577	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa Sản
578	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa Sản
579	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa Sản
580	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa Sản
581	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa Sản
582	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa Sản
583	Xe hút cầm tường 2 bình	5	Khoa Sản
584	Máy hút thai trứng Fazzini F- 30	1	Khoa Sản
585	Máy siêu âm đầu dò âm đạo + máy in đen trắng	1	Khoa Sản
586	Máy SA 4D 4 đầu dò Voluson 730pro	1	Khoa Sản
587	Máy siêu âm màu 4D 3 đầu dò: ổ bụng, âm đạo, tim	1	Khoa Sản
588	Bộ ống soi vòi trứng	1	Khoa Sản
589	Máy soi CTC	1	Khoa Sản
590	Máy soi CTC MD SLC 2000A	1	Khoa Sản
591	Máy đốt laser CTC	1	Khoa Sản
592	Lồng ấp trẻ sơ sinh	1	Khoa Sản
593	Hệ thống đón trẻ sơ sinh có sưởi ấm và đèn cực tím	1	Khoa Sản
594	Hệ thống đón trẻ sơ sinh có sưởi ấm và đèn cực tím	1	Khoa Sản
595	Máy Doppler tim thai BT 200	3	Khoa Sản
596	Máy Doppler tim thai BT 200	2	Khoa Sản
597	Máy Doppler tim thai	1	Khoa Sản
598	Máy Doppler tim thai	1	Khoa Sản
599	Máy Doppler tim thai	1	Khoa Sản
600	Máy Doppler tim thai	1	Khoa Sản
601	Máy Doppler tim thai	1	Khoa Sản
602	Máy Doppler tim thai	1	Khoa Sản
603	Bình ấm oxy	10	Khoa Sản
604	Giường BN CC ba lan	1	Khoa Sản

605	Máy li tâm EBA200	1	Khoa Sản
606	Kính hiển vi 2 mắt	1	Khoa Sản
607	Tủ an toàn sinh học	1	Khoa Sản
608	Tủ âm Memmert	1	Khoa Sản
609	Buồng đếm tinh trùng Makler	1	Khoa Sản
610	Bộ đếm bách phân 9 nút	1	Khoa Sản
611	Đèn khám sản (đèn gù bóng halogen)	8	Khoa Sản
612	Máy hút âm	3	Khoa Sản
613	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa TMH
614	Kính hiển vi phẫu thuật TMH	1	Khoa TMH
615	Hệ thống nội soi TMH gồm:	1	Khoa TMH
616	Bộ xử lý hình ảnh + Camera	1	Khoa TMH
617	Nguồn sáng + dây dẫn sáng	1	Khoa TMH
618	Màn hình (dây)	1	Khoa TMH
619	Bàn, ghế khám điện	1	Khoa TMH
620	Hệ thống nội soi TMH gồm:	1	Khoa TMH
621	Bộ xử lý hình ảnh + Camera	1	Khoa TMH
622	Nguồn sáng + dây dẫn sáng	1	Khoa TMH
623	Màn hình, giá đỡ máy	1	Khoa TMH
624	Ghế khám TMH	1	Khoa TMH
625	Bộ dụng cụ mổ tai 104 chi tiết	1	Khoa TMH
626	Bộ dụng cụ vi phẫu tai	1	Khoa TMH
627	Bộ dụng cụ cắt tuyến giáp 64 chi tiết	2	Khoa TMH
628	Bộ dụng cụ Amydal 33 chi tiết	1	Khoa TMH
629	Bộ dụng cụ khám TMH	1	Khoa TMH
630	Bộ nội soi thanh quản ống mềm	1	Khoa TMH
631	Máy hút dịch Thomas	1	Khoa TMH
632	Máy đo SpO2 Minday	1	Khoa TMH
633	Máy đo nhĩ lượng	1	Khoa TMH
634	Xe hút cầm tường Hersill 2 bình	2	Khoa TMH
635	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa TMH
636	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa TMH
637	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa TMH
638	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa TMH
639	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
640	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
641	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
642	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
643	Máy lọc thận Fresenius	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
644	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
645	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
646	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
647	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
648	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo

649	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
650	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
651	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
652	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
653	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
654	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
655	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
656	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
657	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
658	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
659	Máy lọc thận Dialog	1	Đơn nguyên thận nhân tạo
660	Monitor TDBN GE	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
661	Máy tiêm thuốc cân quang	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
662	Máy siêu âm 4D, 3 đầu dò Voluson 730 Pro	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
663	Máy siêu âm 4D, 3 đầu dò Voluson 730 Pro	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
664	Máy siêu âm 4D, 3 đầu dò Voluson 730 Pro	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
665	Máy siêu âm 4D, 3 đầu dò Voluson 730 Pro	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
666	Máy siêu âm 4D, 3 đầu dò Voluson 730 Pro	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
667	Máy siêu âm doppler tim Vivid S5	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
668	Máy siêu âm 2D doppler màu, 3 đầu dò: tim, ổ bụng,	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
669	Máy siêu âm xách tay màu	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
670	Máy XQ Philips (1 máy 2 bàn)	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
671	Máy chụp XQ tăng sáng truyền hình Shimadzu 2 bàn	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
672	Máy XQ LD Shimadzu chụp tại giường	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
673	Máy XQ điều khiển từ xa 2 bóng 2 bàn shimazu	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
674	Máy XQ răng sọ mặt toàn cảnh	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
675	HT chụp XQ số hóa gồm	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
676	Phần xử lý hình ảnh FCR capsula XL	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
677	Máy XQ vú planmed	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
678	Máy chụp cắt lớp Hispeed	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
679	HT chụp citi 128 lát	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
680	HT chụp cộng hưởng từ	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
681	Máy chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
682	Khối từ cho Máy chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
683	Hệ thống X-quang số	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
684	HT thu nhận xử lý hình ảnh DR gồm	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
685	Phần xử lý hình ảnh (CPU, LCD optiplex 780)	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
686	Tấm tạo ảnh D - Evo	2	Khoa chẩn đoán hình ảnh
687	Máy in phim khô Drypixlux	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
688	HT thu nhận xử lý hình ảnh KTS gồm	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
689	Phần xử lý hình ảnh FCR XG 5000	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
690	Phần thu nhận tín hiệu XQ(cassette, tấm tạo ảnh)	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
691	Máy in phim Drypix 7000	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
692	Máy in phim KTS Drypix plus	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh

693	Máy in phim khô Dryfix 4000	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
694	Máy in phim Drystar 5320	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
695	Máy in phim apfa 5302	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
696	Máy in phim khô apfa	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
697	Máy in phim khô Dryfix 4000	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
698	Máy in phim khô Dryfix 4000	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
699	Máy rửa phim nước medica	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
700	Máy in tên UCF - ID	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
701	Máy in tên Jira	1	Khoa chẩn đoán hình ảnh
702	Máy đo liều tia X	9	Khoa chẩn đoán hình ảnh
703	Áo chì	11	Khoa chẩn đoán hình ảnh
704	Áo chì	6	Khoa chẩn đoán hình ảnh
705	Bình âm oxy	7	Khoa chẩn đoán hình ảnh
706	Máy cưa, khoan xương điện hitachi	1	Khoa giải phẫu bệnh
707	Máy SA SSD 900 aloka	1	Khoa giải phẫu bệnh
708	Đầu dò siêu âm Aloka	1	Khoa giải phẫu bệnh
709	Máy li tâm Kubota 2420	1	Khoa giải phẫu bệnh
710	Kính HV CX 31 olympus	1	Khoa giải phẫu bệnh
711	Kính HV sinh học Axio	1	Khoa giải phẫu bệnh
712	Kính HV vi 2 mắt KTS NiKon E400	1	Khoa giải phẫu bệnh
713	Tủ sấy Memmert UM200	1	Khoa giải phẫu bệnh
714	Tủ sấy Memmert	1	Khoa giải phẫu bệnh
715	Tủ sấy Memmert	1	Khoa giải phẫu bệnh
716	Tủ hút mùi cho máy chuyên BP efh4a1	1	Khoa giải phẫu bệnh
717	Tủ bảo quản TT	2	Khoa giải phẫu bệnh
718	Tủ bảo quản lam kính thermo	1	Khoa giải phẫu bệnh
719	Bộ DC khám nghiệm TT	1	Khoa giải phẫu bệnh
720	Bình âm oxy	1	Khoa giải phẫu bệnh
721	Máy cắt tiêu bản quay tay Leica	1	Khoa giải phẫu bệnh
722	Máy cắt tiêu bản lạnh	1	Khoa giải phẫu bệnh
723	Bể dàn tiêu bản thermo	1	Khoa giải phẫu bệnh
724	Máy đúc tiêu bản thermo	1	Khoa giải phẫu bệnh
725	Máy xử lý mô tự động thermo	1	Khoa giải phẫu bệnh
726	Kèm bộ điều khiển	1	Khoa giải phẫu bệnh
727	Máy sấy tiêu bản Thermo	1	Khoa giải phẫu bệnh
728	Máy sấy tiêu bản Thermo	1	Khoa giải phẫu bệnh
729	Máy dán la men tự động	1	Khoa giải phẫu bệnh
730	Máy nhuộm tiêu bản tự động	1	Khoa giải phẫu bệnh
731	Bình đựng Parapin	1	Khoa giải phẫu bệnh
732	Máycắt BP thermo, bể nhuộm	1	Khoa giải phẫu bệnh
733	Cân điện AcclaBlab V200	1	Khoa huyết học
734	Máy lắc tự độngg TRAC	1	Khoa huyết học
735	Máy lắc tự độngg TRAC	1	Khoa huyết học
736	Máy lắc tự độngg TRAC	1	Khoa huyết học

737	Máy lắc túi máu	1	Khoa huyết học
738	Máy lắc túi máu	1	Khoa huyết học
739	Máy lắc túi máu	1	Khoa huyết học
740	Máy lắc túi máu	1	Khoa huyết học
741	Máy lắc túi máu	1	Khoa huyết học
742	Máy lắc túi máu	1	Khoa huyết học
743	Máy lắc túi máu	1	Khoa huyết học
744	Máy li tâm Rotofix 32	1	Khoa huyết học
745	Máy li tâm lạnh Rotixa 50 RS	1	Khoa huyết học
746	Máy li tâm lạnh Rotixa 50 RS	1	Khoa huyết học
747	Máy li tâm Kubota 2420	1	Khoa huyết học
748	Máy li tâm ống máu để bàn kubota 4000	1	Khoa huyết học
749	Kính HV vi 2 mắt Ceti	1	Khoa huyết học
750	Kính HV CX 31 olympus	1	Khoa huyết học
751	Máy đếm TB Cell Dyn 1800	1	Khoa huyết học
752	Máy đếm TB CD4 FacsCount	1	Khoa huyết học
753	Máy đếm TB Facscount	1	Khoa huyết học
754	Máy đếm TB 34 T sè 2120I	1	Khoa huyết học
755	Máy đo tốc độ máu lắng Mixrate	1	Khoa huyết học
756	Máy đông máu ACL 9000	1	Khoa huyết học
757	Máy phân tích XN eliza, máy in 1006	1	Khoa huyết học
758	Máy PT HH hoàn toàn tự động ruby	1	Khoa huyết học
759	Máy đo ngưng tập tiểu cầu 490 - 2D	1	Khoa huyết học
760	Máy đông máu compact	1	Khoa huyết học
761	Máy đông máu ACL top 500	1	Khoa huyết học
762	Nhuộm lam tự động	1	Khoa huyết học
763	Dàn eliza bán tự động	1	Khoa huyết học
764	Máy XN celldyll IMR	1	Khoa huyết học
765	Máy tách thành phần máu	1	Khoa huyết học
766	Máy miễn dịch Architect plus	1	Khoa huyết học
767	Máy đo thời gian đông máu ACT Plus	1	Khoa huyết học
768	Bình cách thủy GFL	1	Khoa huyết học
769	Bình cách thủy Memmert1	1	Khoa huyết học
770	Tủ sấy Memmert	1	Khoa huyết học
771	Tủ lạnh trữ máu MBR 305	1	Khoa huyết học
772	Tủ bảo quản máu MBR 304D	1	Khoa huyết học
773	Tủ bảo quản máu MBR 304D	1	Khoa huyết học
774	Tủ âm sâu sanyo MDF 436	1	Khoa huyết học
775	Tủ âm sâu sanyo MDF 436	1	Khoa huyết học
776	Tủ âm sâu sanyo 236	1	Khoa huyết học
777	Tủ lạnh Sanyo 230L	1	Khoa huyết học
778	Tủ bảo quản Elextrolux	1	Khoa huyết học
779	Tủ bảo quản Elextrolux	1	Khoa huyết học
780	Tủ bảo quản Elextrolux	1	Khoa huyết học

781	Tủ sấy Yamato DX 31	1	Khoa huyết học
782	Tủ ẩm Memmert	1	Khoa huyết học
783	Máy hàn dây máu Teruseal	1	Khoa huyết học
784	Máy hàn dây máu Teruseal	1	Khoa huyết học
785	Máy hàn dây máu ACS - 152	1	Khoa huyết học
786	Máy hàn dây máu ACS - 152	1	Khoa huyết học
787	Máy rửa Dc sóng siêu âm	1	Khoa huyết học
788	Cân điện Kern	1	Khoa sinh hóa
789	Máy li tâm Kubota 2420	1	Khoa sinh hóa
790	Máy li tâm Kubota 5200	1	Khoa sinh hóa
791	Máy li tâm Kubota 2420	1	Khoa sinh hóa
792	Máy li tâm Rotofix 32A	1	Khoa sinh hóa
793	Kính HV CX 31 olympus	1	Khoa sinh hóa
794	Máy phân tích nước tiểu Clinitek Stastus	1	Khoa sinh hóa
795	Máy phân tích nước tiểu Clinitek 500	1	Khoa sinh hóa
796	Máy Xn nước tiểu tự động	1	Khoa sinh hóa
797	Máy sinh hóa tự động AU 640	1	Khoa sinh hóa
798	Máy sinh hóa tự động AU 680	1	Khoa sinh hóa
799	Máy PT XN miễn dịch tự động E601	1	Khoa sinh hóa
800	Máy PT khí máu ABL 80	1	Khoa sinh hóa
801	Máy XN khí máu điện giải	1	Khoa sinh hóa
802	Máy XN HBA1C	1	Khoa sinh hóa
803	Máy PT XN miễn dịch tự động E601	1	Khoa sinh hóa
804	Hệ thống kết nối MD Powerlink	1	Khoa sinh hóa
805	MáyXN MD tự động	1	Khoa sinh hóa
806	Tủ ẩm khô Memmert	1	Khoa sinh hóa
807	Tủ bảo quản sinh phẩm West fost	1	Khoa sinh hóa
808	Tủ bảo quản sinh phẩm	1	Khoa sinh hóa
809	Máy cất nước 2 lần 4l/h	1	Khoa sinh hóa
810	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	Khoa TDCN
811	Mornitor TDBN 5 T số cấu hình TB	1	Khoa TDCN
812	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa TDCN
813	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa TDCN
814	Máy hút cầm tường 2 bình	1	Khoa TDCN
815	Máy hút cầm tường 1 bình	1	Khoa TDCN
816	Bơm hút dịch Thomas	1	Khoa TDCN
817	Máy hút dịch PT Cami	1	Khoa TDCN
818	Máy điện tim 3 cần	1	Khoa TDCN
819	Máy điện tim 3 cần	1	Khoa TDCN
820	Máy điện tim 6 cần	1	Khoa TDCN
821	Máy điện tim 6 cần	1	Khoa TDCN
822	Máy điện tim 12 cần	1	Khoa TDCN
823	Máy nội soi dạ dày Olympus CLV - 180	1	Khoa TDCN
824	Ống nội soi dạ dày	1	Khoa TDCN

825	Ống nội soi dạ dày	2	Khoa TDCN
826	Máy nội soi dạ dày, đại tràng	1	Khoa TDCN
827	Ống nội soi đại tràng	1	Khoa TDCN
828	HT nội soi phế quản	1	Khoa TDCN
829	Máy điện não 1200K	1	Khoa TDCN
830	Đèn kích thích ánh sáng	1	Khoa TDCN
831	Bộ thu tín hiệu	1	Khoa TDCN
832	Bộ nguồn khối kích thích ánh sáng	1	Khoa TDCN
833	Kèm bộ máy tính Dell+ Máy in HP	1	Khoa TDCN
834	Máy điện cơ đồ 4 kênh	1	Khoa TDCN
835	Máy đo chức năng hô hấp KTS Pony FX	1	Khoa TDCN
836	Máy đo chức năng hô hấp Hi801	1	Khoa TDCN
837	Máy đo thính lực 2 kênh GSI 61	1	Khoa TDCN
838	Máy đo loãng xương Medix 90	1	Khoa TDCN
839	Áo chì	2	Khoa TDCN
840	Máy lắc Lab 4 you	1	Khoa vi sinh
841	Máy lắc vortex 3	1	Khoa vi sinh
842	Máy lắc Lab - Line	1	Khoa vi sinh
843	Máy lắc Chiltern	1	Khoa vi sinh
844	Máy lắc ủ nhiệt khô	1	Khoa vi sinh
845	Cân điện Kern	1	Khoa vi sinh
846	Máy li tâm 5424R	1	Khoa vi sinh
847	Máy li tâm đa năng MF 80	1	Khoa vi sinh
848	Máy li tâm thường smartr 15	1	Khoa vi sinh
849	Máy li tâm lắng mẫu nhanh micro 6	1	Khoa vi sinh
850	Máy li tâm Heraeus	1	Khoa vi sinh
851	Kính HV Olympus 2 mắt	1	Khoa vi sinh
852	Kính HV huỳnh quang	1	Khoa vi sinh
853	Kính HV Olympus 2 mắt	1	Khoa vi sinh
854	Máy nuôi cấy Bactec 9050	1	Khoa vi sinh
855	Máy cấy máu 60 chai	1	Khoa vi sinh
856	HT Realtime PCR đồng bộ gồm: máy in Oki, LĐ 140	1	Khoa vi sinh
857	Máy tách chiết acid nucleci tự động 12GC plus	1	Khoa vi sinh
858	Máy realtime PCG MX 3005P	1	Khoa vi sinh
859	Tủ thao tác SCG 2A1	1	Khoa vi sinh
860	Máy ủ nhiệt khô thermomixer	1	Khoa vi sinh
861	Tủ an toàn sinh học cấp I	1	Khoa vi sinh
862	Tủ an toàn sinh học cấp II	1	Khoa vi sinh
863	Tủ an toàn sinh học NU 425 400E	1	Khoa vi sinh
864	Tủ lạnh âm sâu -30C superpolo 320	1	Khoa vi sinh
865	Bộ pipet research plus	1	Khoa vi sinh
866	Bàn chuyên dụng cho HTPCR	3	Khoa vi sinh
867	Máy realtime PCR	1	Khoa vi sinh
868	Tủ cấy vi sinh class	1	Khoa vi sinh

869	Tủ bảo quản sinh phẩm sanaky	1	Khoa vi sinh
870	Tủ bảo quản sinh phẩm sanaky	2	Khoa vi sinh
871	Tủ âm Axyos	1	Khoa vi sinh
872	Tủ âm Baxter	1	Khoa vi sinh
873	Tủ lạnh Frigidaife	1	Khoa vi sinh
874	Tủ lạnh Sharrp	1	Khoa vi sinh
875	Tủ âm sanaky	1	Khoa vi sinh
876	Tủ âm Memmert	1	Khoa vi sinh
877	Tủ sấy Memmert	1	Khoa vi sinh
878	Máy cất nước 2 lần	1	Khoa vi sinh
879	Bộ tiền lọc A4000D	1	Khoa vi sinh
880	Máy khuấy MT19 Chiltern	1	Khoa vi sinh
881	Buồng đếm tinh trùng Makler	1	Khoa vi sinh
882	Máy đếm bách phân	1	Khoa vi sinh
883	Nồi hấp ướ tomy	1	Khoa vi sinh
884	Nồi hấp ướ Germmy	1	Khoa vi sinh
885	Bình Co2,âm oxy	1	Khoa vi sinh
886	Máy đo SpO2 di động Mindray	1	Lão Khoa
887	Máy truyền dịch Terumo	1	Lão Khoa
888	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Lão Khoa
889	Máy điện não 64 kênh Nihonkohden	1	Lão Khoa
890	Máy đo và ghi điện cơ Nihonkohden	1	Lão Khoa
891	Máy hút cầm tường 2 bình Hersill	1	Lão Khoa
892	Máy điện tim 6 cần	1	Lão Khoa
893	Máy đo đường huyết mao mạch	1	Lão Khoa
894	Máy thở newport E150	1	Khoa hô hấp & BNN
895	Máy thở đa năng Evita4	1	Khoa hô hấp & BNN
896	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa hô hấp & BNN
897	Máy Monitor TDBN 5 Thông số	1	Khoa hô hấp & BNN
898	Máy Monitor TDBN 6 Thông số	1	Khoa hô hấp & BNN
899	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa hô hấp & BNN
900	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa hô hấp & BNN
901	Máy Mornitor TDBN 5 Thông số cấu hình TB	1	Khoa hô hấp & BNN
902	Máy Mornitor TDBN 5 Thông số cấu hình cao	1	Khoa hô hấp & BNN
903	Bơm tiêm điện Braun	1	Khoa hô hấp & BNN
904	Bơm tiêm điện Braun	1	Khoa hô hấp & BNN
905	Bơm tiêm điện Braun	1	Khoa hô hấp & BNN
906	Bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa hô hấp & BNN
907	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa hô hấp & BNN
908	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa hô hấp & BNN
909	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa hô hấp & BNN
910	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa hô hấp & BNN
911	Máy hút cầm tường 2 bình	2	Khoa hô hấp & BNN
912	Máy hút chân không áp lực thấp	1	Khoa hô hấp & BNN

913	Máy điện tim 1 cần	1	Khoa hô hấp & BNN
914	HT nội soi phế quản Olympus	1	Khoa hô hấp & BNN
915	Màn hình Sony	1	Khoa hô hấp & BNN
916	Bộ xử lý hình ảnh	1	Khoa hô hấp & BNN
917	Bộ nguồn sáng	1	Khoa hô hấp & BNN
918	Dây nội soi phế quản	1	Khoa hô hấp & BNN
919	Máy hút dịch	1	Khoa hô hấp & BNN
920	Máy ghi thể tích ký toàn thân (phế dung kế)	1	Khoa hô hấp & BNN
921	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa hô hấp & BNN
922	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa hô hấp & BNN
923	Máy xông khí dung Omron	2	Khoa hô hấp & BNN
924	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa hô hấp & BNN
925	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa hô hấp & BNN
926	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa hô hấp & BNN
927	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa hô hấp & BNN
928	Bình ẩm oxy	7	Khoa hô hấp & BNN
929	Bình ẩm oxy	13	Khoa hô hấp & BNN
930	Máy đo đường huyết Ultra 2	1	Khoa hô hấp & BNN
931	Giường điện HSCC cấu hình TB	1	Khoa hô hấp & BNN
932	Giường điện HSCC cấu hình TB	1	Khoa hô hấp & BNN
933	Giường điện HSCC cấu hình TB	1	Khoa hô hấp & BNN
934	Giường điện HSCC cấu hình TB	1	Khoa hô hấp & BNN
935	Máy điện tim 6 cần	1	Khoa hô hấp & BNN
936	Đèn tiết trùng di động 2 bóng	1	Khoa hô hấp & BNN
937	Máy hút ẩm	3	Khoa hô hấp & BNN
938	Bình oxy lưu động	3	Khoa hô hấp & BNN
939	Máy Mornitor TDBN 6 thông số	1	Khoa Mắt
940	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa Mắt
941	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa Mắt
942	Máy siêu âm A	1	Khoa Mắt
943	Máy siêu âm mắt A/B	1	Khoa Mắt
944	Máy chụp cắt lớp đáy mắt OCT	1	Khoa Mắt
945	Kính hiển vi phẫu thuật mắt Visu 160	1	Khoa Mắt
946	Nồi hấp tiết trùng tự động	1	Khoa Mắt
947	Máy mổ mắt Faco Protégé	1	Khoa Mắt
948	Kính sinh hiển vi phẫu thuật (thuộc bộ faco)	1	Khoa Mắt
949	Kính sinh hiển vi khám mắt	1	Khoa Mắt
950	Máy đo khúc xạ tự động	1	Khoa Mắt
951	Máy thị trường tự động	1	Khoa Mắt
952	Bộ DC khám khúc xạ	1	Khoa Mắt
953	Máy chụp mạch huỳnh quang võng mạc	1	Khoa Mắt
954	Máy laser mổ mắt bao sau	1	Khoa Mắt
955	Đèn mổ di động	1	Khoa Mắt
956	Đèn soi đáy mắt	1	Khoa Mắt

957	Máy cắt dịch kính	1	Khoa Mắt
958	Bảng thử thị lực màu	1	Khoa Mắt
959	Máy đo khúc xạ và độ cong giác mạc	1	Khoa Mắt
960	Máy đo nhãn áp KT 800	1	Khoa Mắt
961	Máy đo độ lác	1	Khoa Mắt
962	Máy Monitor TDBN MEC 1000	1	Khoa nội tổng hợp
963	Máy Mornitor TDBN 6 T số	1	Khoa nội tổng hợp
964	Máy Mornitor TDBN 6 T số	1	Khoa nội tổng hợp
965	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa nội tổng hợp
966	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa nội tổng hợp
967	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa nội tổng hợp
968	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa nội tổng hợp
969	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa nội tổng hợp
970	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa nội tổng hợp
971	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa nội tổng hợp
972	Máy hút cầm tường 2 bình	1	Khoa nội tổng hợp
973	Máy siêu âm doppler màu 2D, 2 đầu dò: ổ bụng, line	1	Khoa nội tổng hợp
974	Máy xông khí dung	1	Khoa nội tổng hợp
975	Bình ẩm oxy	5	Khoa nội tổng hợp
976	Bình ẩm oxy	5	Khoa nội tổng hợp
977	Máy đo đường huyết	1	Khoa nội tổng hợp
978	Máy đo đường huyết	1	Khoa nội tổng hợp
979	Máy điện tim 6 cần	1	Khoa nội tổng hợp
980	Máy li tâm	1	Khoa nội tổng hợp
981	Máy hút ẩm	1	Khoa nội tổng hợp
982	Máy thở đa năng Evita4	1	Khoa tim mạch
983	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa tim mạch
984	Máy Mornitor TDBN 6 T số	1	Khoa tim mạch
985	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa tim mạch
986	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa tim mạch
987	Máy Monitor TDBN 6 thông số	1	Khoa tim mạch
988	Máy Monitor TDBN 6 thông số	1	Khoa tim mạch
989	Máy Monitor TDBN 6 thông số	1	Khoa tim mạch
990	Máy Monitor TDBN 6 thông số	1	Khoa tim mạch
991	Máy Monitor TDBN 6 thông số	1	Khoa tim mạch
992	Máy Mornitor TDBN 5 TS cấu hình TB	1	Khoa tim mạch
993	Máy Mornitor TDBN 5 TS cấu hình cao	1	Khoa tim mạch
994	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
995	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
996	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
997	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
998	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
999	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
1000	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch

1001	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
1002	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
1003	MáyBơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa tim mạch
1004	Máy truyền dịch B.Braun	1	Khoa tim mạch
1005	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa tim mạch
1006	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa tim mạch
1007	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa tim mạch
1008	Máy sốc điện Zoll	1	Khoa tim mạch
1009	Máy sốc điện Zoll	1	Khoa tim mạch
1010	Máy tạo nhịp tim ngoài cơ thể	1	Khoa tim mạch
1011	Máy tạo nhịp tim ngoài cơ thể	1	Khoa tim mạch
1012	Máy siêu âm doppler màu 4D, 4 đầu dò - tim 3D, ổ b	1	Khoa tim mạch
1013	Máy điện tim 1 cần	1	Khoa tim mạch
1014	Máy điện tim 12 cần	1	Khoa tim mạch
1015	HT Máy Holter điện tim gắng sức CS 200	1	Khoa tim mạch
1016	Bộ đo điện tim, huyết áp.	1	Khoa tim mạch
1017	Bộ thăm chạy gắng sức	1	Khoa tim mạch
1018	kèm HT ghi và phân tích huyết áp, điện tim	1	Khoa tim mạch
1019	Hệ thống máy tính và phần mềm điện tim và huyết áp	1	Khoa tim mạch
1020	Đầu ghi Holter điện tim 12 kênh	7	Khoa tim mạch
1021	Đầu ghi Holter HA 12 kênh	7	Khoa tim mạch
1022	Holter HA	1	Khoa tim mạch
1023	Máy xông khí dung	1	Khoa tim mạch
1024	Máy xông khí dung	1	Khoa tim mạch
1025	Máy xông khí dung	1	Khoa tim mạch
1026	Máy xông khí dung	1	Khoa tim mạch
1027	Máy xông khí dung	1	Khoa tim mạch
1028	Máy xông khí dung	1	Khoa tim mạch
1029	Giường hồi sức cấp cứu	1	Khoa tim mạch
1030	Giường hồi sức cấp cứu	1	Khoa tim mạch
1031	Giường hồi sức cấp cứu	1	Khoa tim mạch
1032	Giường hồi sức cấp cứu	1	Khoa tim mạch
1033	Giường hồi sức cấp cứu	1	Khoa tim mạch
1034	Bình ẩm oxy	20	Khoa tim mạch
1035	Bình ẩm oxy	10	Khoa tim mạch
1036	Máy đo đường huyết Omron	1	Khoa tim mạch
1037	Máy đo đường huyết Omron	1	Khoa tim mạch
1038	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa ung bướu
1039	Máy truyền dịch Terumo	1	Khoa ung bướu
1040	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa ung bướu
1041	Máy bơm tiêm điện Terumo	1	Khoa ung bướu
1042	Máy Monitor (TDBN) Nihonkohden	1	Khoa ung bướu
1043	Máy Monitor (TDBN) Nihonkohden	1	Khoa ung bướu
1044	Máy Monitor (TDBN) Mindray	1	Khoa ung bướu

1045	Mornitor TDBN 5 T số cấu hình TB	1	Khoa ung bướu
1046	Mornitor TDBN 5 T số cấu hình cao	1	Khoa ung bướu
1047	Máy đo SpO2 di động Mindray	1	Khoa ung bướu
1048	Máy đo SpO2 di động Mindray	1	Khoa ung bướu
1049	Máy đo SpO2 di động Mindray	1	Khoa ung bướu
1050	Máy làm ẩm dịch truyền Animec	1	Khoa ung bướu
1051	Máy hút dịch màng phổi Hersill	5	Khoa ung bướu
1052	Máy hút cầm tường 2 bình Hersill	2	Khoa ung bướu
1053	Máy hút cầm tường 1 bình Hersill	3	Khoa ung bướu
1054	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa ung bướu
1055	Máy xông khí dung Omron	1	Khoa ung bướu
1056	Máy xông khí dung	2	Khoa ung bướu
1057	Bộ Đèn đặt NKQ người lớn riester	1	Khoa ung bướu
1058	Máy đo đường huyết	1	Khoa ung bướu
1059	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ung bướu
1060	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ung bướu
1061	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ung bướu
1062	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ung bướu
1063	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	1	Khoa ung bướu
1064	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa đông y - PHCN
1065	Máy đo đường huyết	1	Khoa đông y - PHCN
1066	Máy sắc thuốc tự động	1	Khoa đông y - PHCN
1067	Máy sắc thuốc đông y	1	Khoa đông y - PHCN
1068	Máy đóng gói	1	Khoa đông y - PHCN
1069	Máy laze điều trị	1	Khoa đông y - PHCN
1070	Máy laze châm cứu	1	Khoa đông y - PHCN
1071	Máy điện châm đa năng không kim	1	Khoa đông y - PHCN
1072	Máy điện châm đa năng không kim	1	Khoa đông y - PHCN
1073	Máy điện châm	20	Khoa đông y - PHCN
1074	Máy điện châm	10	Khoa đông y - PHCN
1075	Máy điện châm	10	Khoa đông y - PHCN
1076	Máy điện châm	10	Khoa đông y - PHCN
1077	TB trị liệu lưng và cột sống	3	Khoa đông y - PHCN
1078	TB trị liệu chân	3	Khoa đông y - PHCN
1079	Máy siêu âm điều trị	1	Khoa đông y - PHCN
1080	Máy siêu âm điều trị đa tần	1	Khoa đông y - PHCN
1081	Mornitor theo dõi bn MP20	1	Khoa nội B
1082	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 Tsố	1	Khoa nội B
1083	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 Tsố	1	Khoa nội B
1084	Mornitor TDBN 5 T số cấu hình cao	1	Khoa nội B
1085	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa nội B
1086	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa nội B
1087	Bơm tiêm điện SY - 5000	1	Khoa nội B
1088	Bơm tiêm điện SY - 5000	1	Khoa nội B

1089	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa nội B
1090	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa nội B
1091	Máy truyền dịch Terumo TE - LF600	1	Khoa nội B
1092	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa nội B
1093	Máy đo SPO2 Oximax N - 65	1	Khoa nội B
1094	Máy đo SPO2 Oximax N - 65	1	Khoa nội B
1095	Máy hút cầm tường 2 bình	1	Khoa nội B
1096	Máy điện tim 1 cần	1	Khoa nội B
1097	Máy điện tim 6 cần	1	Khoa nội B
1098	Đầu ghi Holter điện tim 12 kênh	1	Khoa nội B
1099	Đầu ghi Holter HA 12 kênh	1	Khoa nội B
1100	Máy phá dung tim Schiller	1	Khoa nội B
1101	Máy xông Speedymed	1	Khoa nội B
1102	Máy xông khí dung	1	Khoa nội B
1103	Máy xông khí dung	1	Khoa nội B
1104	Giường hồi sức cấp cứu	1	Khoa nội B
1105	Bình ẩm oxy	10	Khoa nội B
1106	Máy đo đường huyết Ultra 2	1	Khoa nội B
1107	Máy đo HA tự động	1	Khoa nội B
1108	Máy đo HA tự động	5	Khoa nội B
1109	Ghế massage	1	Khoa nội B
1110	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa phục hồi chức năng
1111	Máy siêu âm điều trị	1	Khoa phục hồi chức năng
1112	Máy siêu âm điều trị đa tần	1	Khoa phục hồi chức năng
1113	Bình ẩm oxy	2	Khoa phục hồi chức năng
1114	Ghế massage	1	Khoa phục hồi chức năng
1115	Ghế massage	1	Khoa phục hồi chức năng
1116	Máy kéo dẫn cột sống	1	Khoa phục hồi chức năng
1117	Máy sóng ngắn Thermatur 200 (điện xung)	1	Khoa phục hồi chức năng
1118	Máy kích thích cơ tần số thấp	1	Khoa phục hồi chức năng
1119	Máy kích thích cơ tần số cao	1	Khoa phục hồi chức năng
1120	Bàn tập kéo nắn	1	Khoa phục hồi chức năng
1121	Đầu kéo dẫn cột sống	1	Khoa phục hồi chức năng
1122	Máy điện xung kết hợp giá hút chân không H3000	1	Khoa phục hồi chức năng
1123	Máy điện châm trị liệu đa năng 801	1	Khoa phục hồi chức năng
1124	Máy vi sóng trị liệu 2500CN	1	Khoa phục hồi chức năng
1125	Máy vi sóng trị liệu		Khoa phục hồi chức năng
1126	Bồn thủy trị liệu dela10	1	Khoa phục hồi chức năng
1127	Máy từ trường kèm giường trị liệu	1	Khoa phục hồi chức năng
1128	Máy ĐT sóng ngắn	1	Khoa phục hồi chức năng
1129	Máy ĐT sóng ngắn	1	Khoa phục hồi chức năng
1130	Máy ĐT xung điện	1	Khoa phục hồi chức năng
1131	Máy kích thích điện	1	Khoa phục hồi chức năng
1132	Máy kích thích thần kinh cơ	1	Khoa phục hồi chức năng

1133	Máy điện xung và điện phân	1	Khoa phục hồi chức năng
1134	HT tập PHCN đa năng toàn thân EX100	1	Khoa phục hồi chức năng
1135	Máy tập PHCN chỉ trên	1	Khoa phục hồi chức năng
1136	Máy tập PHCN chỉ dưới	1	Khoa phục hồi chức năng
1137	Máy ĐT bằng sóng xung kích	1	Khoa phục hồi chức năng
1138	Dàn công năng	1	Khoa phục hồi chức năng
1139	Máy tập đa năng	1	Khoa phục hồi chức năng
1140	Máy lắc eo đơn	1	Khoa phục hồi chức năng
1141	Máy ép	1	Khoa phục hồi chức năng
1142	Máy chèo thuyền	1	Khoa phục hồi chức năng
1143	Máy leo núi	1	Khoa phục hồi chức năng
1144	Máy Bosh	1	Khoa phục hồi chức năng
1145	Máy tập cơ lưng	1	Khoa phục hồi chức năng
1146	Xe đạp liên hoàn	1	Khoa phục hồi chức năng
1147	Xe đạp 2 pitton	1	Khoa phục hồi chức năng
1148	Xe đạp 1 pitton	1	Khoa phục hồi chức năng
1149	Xe đạp 1 pitton	1	Khoa phục hồi chức năng
1150	Xe đạp 1 pitton	1	Khoa phục hồi chức năng
1151	Máy thở Newport HT 50	1	Khoa cấp cứu
1152	Máy thở đa năng cho người lớn & trẻ em từ 3kg	1	Khoa cấp cứu
1153	Máy thở Newtech	1	Khoa cấp cứu
1154	Máy Monitor TDBN 8 thông số	1	Khoa cấp cứu
1155	Máy Monitor TDBN 6 thông số	1	Khoa cấp cứu
1156	Máy Monitor TDBN 5 thông số	1	Khoa cấp cứu
1157	Máy Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa cấp cứu
1158	Máy Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa cấp cứu
1159	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa cấp cứu
1160	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa cấp cứu
1161	Máy làm ấm dịch truyền am2s	1	Khoa cấp cứu
1162	Máy làm ấm dịch truyền am2s	1	Khoa cấp cứu
1163	Máy làm ấm dịch truyền am2s	1	Khoa cấp cứu
1164	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa cấp cứu
1165	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa cấp cứu
1166	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa cấp cứu
1167	Xe hút cầm tường 1 bình	4	Khoa cấp cứu
1168	Xe hút dịch màng phổi	1	Khoa cấp cứu
1169	Máy hút dịch AC 750	1	Khoa cấp cứu
1170	Máy hút dịch PT cami	1	Khoa cấp cứu
1171	Máy hút dịch PT cami	1	Khoa cấp cứu
1172	Máy sốc điện	1	Khoa cấp cứu
1173	Cửa cắt bột điện	2	Khoa cấp cứu
1174	Máy điện tim 3 cần	1	Khoa cấp cứu
1175	Máy điện tim 1 cần	1	Khoa cấp cứu
1176	Đèn mô di động	1	Khoa cấp cứu

1177	Bộ valy cấp cứu	1	Khoa cấp cứu
1178	Bộ valy hô hấp	1	Khoa cấp cứu
1179	Máy xông khí dung	1	Khoa cấp cứu
1180	Đèn mô di động	1	Khoa cấp cứu
1181	Bình oxy lưu động + đồng hồ	3	Khoa cấp cứu
1182	Bàn mổ thủy lực cơ	1	Khoa cấp cứu
1183	Máy đo SpO2 di động Mindray	1	Khoa da liễu
1184	Máy bơm tiêm điện B.braun	1	Khoa da liễu
1185	Máy xông khí dung	1	Khoa da liễu
1186	Tủ sấy Memmert	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1187	Tủ sấy Memmert	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1188	Máy là dân	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1189	Máy là hơi	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1190	Máy giặt CN Lavamac	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1191	Máy giặt CN Lavamac	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1192	Máy giặt ELEXTROLUX	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1193	Máy giặt ELEXTROLUX	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1194	Máy giặt ELEXTROLUX	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1195	Máy giặt ELEXTROLUX	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1196	Máy sấy khô Lavamac	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1197	Máy sấy khô ELEXTROLUX	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1198	Máy sấy khô ELEXTROLUX	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1199	Máy sấy khô ELEXTROLUX	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1200	Máy sấy khô Gettinge	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1201	Máy Ecawa (Anolytc)	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1202	TB điều chế khử trùng	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1203	Máy rửa Gettinge	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1204	Máy rửa Gettinge	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1205	Máy rửa Gettinge	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1206	Máy rửa siêu âm Bandelin	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1207	Máy rửa siêu âm Bvanson	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1208	Máy tiệt trùng Auto Clave ELMI500	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1209	Máy tiệt trùng Auto Clave ELMI500	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1210	Máy tiệt trùng Auto ELMI75l	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1211	Máy tiệt trùng Auto ELMI75l	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1212	Máy tiệt trùng Auto Gettinge	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1213	Máy tiệt trùng 2 cửa HS 6613 ER2	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1214	Máy tiệt trùng NDT 3Mholthure	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1215	Máy tiệt trùng NDT	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1216	Máy dán nylon 800DL	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1217	Máy dán nylon	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1218	Máy phun khử khuẩn TM - 200	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1219	Bộ DC chấn thương chỉnh hình 104 CT/B	2	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1220	Bộ DC ổ bụng tiết niệu 96Ct/B	2	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn

1221	Bộ DC PT phụ khoa 82 CT/B	2	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1222	Bộ DC mô lấy thai 78CT/B	2	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1223	Bộ DC đại phẫu	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1224	Bộ DC cắt đường dưới AD 43CT/B	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1225	Bộ DC thông vòi 56CT/B	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1226	Bộ DC chấn thương cột sống khớp háng khớp gối	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1227	Bộ DC PT cột sống 8 loại 9 CT	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1228	Bộ DC chấn thương 91 loại 149 CT	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1229	Bộ DCPT lồng ngực 91 loại 135 CT	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1230	Bộ DCPT RHM 65 loại 105 CT	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1231	Bộ DCPT sọ não 58 loại 95 CT	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1232	Bộ DCPT bàn, cẳng, cánh tay	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1233	Bàn 65 loại 107 CT		Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1234	Cánh, cẳng 95 loại, 181 CT		Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1235	Bộ DCPT mạch máu 25 loại 36 CT	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1236	Bộ DCPT thần kinh 20 loại 21 CT	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1237	Bộ DCPT trung đại phẫu	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1238	Bộ dụng cụ sinh thiết	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1239	Bộ dụng cụ mổ tim hở người lớn và trẻ em	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1240	Lò đốt rác	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1241	Lò đốt rác CP 100	1	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
1242	Máy thở newport E150	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1243	Máy thở newport E150	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1244	Máy thở VeLa	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1245	Máy Mornitor TDBN 6 T số	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1246	Máy Mornitor TDBN Imec 10	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1247	Máy Monitor TDBN	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1248	Máy Mornitor TDBN 5 T số cấu hình TB	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1249	Máy Mornitor TDBN 5 T số cấu hình cao	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1250	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1251	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1252	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1253	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1254	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1255	Bơm tiêm điện Terumo 331	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1256	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1257	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1258	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1259	Máy truyền dịch Terumo 112	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1260	Máy làm ấm dịch truyền am2s	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1261	Máy điện tim 6 cần	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1262	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1263	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1264	Máy đo nồng độ oxy SPO2	1	Khoa bệnh nhiệt đới

1265	Xe hút cầm tường 2 bình	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1266	Xe hút cầm tường 2 bình	2	Khoa bệnh nhiệt đới
1267	Xe hút cầm tường 1 bình	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1268	Bộ hút cầm tường 1 bình	5	Khoa bệnh nhiệt đới
1269	Máy lọc không khí	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1270	Máy lọc không khí	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1271	Bình ẩm oxy	5	Khoa bệnh nhiệt đới
1272	Bình ẩm oxy	6	Khoa bệnh nhiệt đới
1273	Bình ẩm oxy đôi	2	Khoa bệnh nhiệt đới
1274	Máy đo đường huyết	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1275	Máy xông khí dung siêu âm	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1276	Máy xông khí dung	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1277	Đèn tiệt trùng di động 2 bóng	1	Khoa bệnh nhiệt đới
1278	Bình oxy lưu động + đồng hồ	2	Khoa bệnh nhiệt đới